



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2012

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: 0673 680383 - 0673 296800 Fax: 0673 680382  
Email: [ldiseafood@vnn.vn](mailto:ldiseafood@vnn.vn)  
Website: [ldiseafood.com](http://ldiseafood.com)

## MỤC LỤC

### Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT

### LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

#### I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- 1.1 Thành lập
- 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ
- 1.3 Các sự kiện khác

#### II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- 2.1 Ngành nghề kinh doanh
- 2.2 Tình hình hoạt động

#### III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- 3.1 Các mục tiêu chính của công ty
- 3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

#### II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

#### III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- 1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 1.2 Tài sản
- 1.3 Nguồn vốn
- 1.4 Chỉ số thanh toán & hiệu quả sử dụng vốn

#### II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- 2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ
- 2.2 Nguyên vật liệu
- 2.3 Chi phí sản xuất
- 2.4 Trình độ công nghệ
- 2.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới
- 2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ
- 2.7 Hoạt động Marketing
- 2.8 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)
- 2.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

#### III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- 4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh
- 4.2 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

### TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY

#### I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC

#### II/ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

- 2.1 Hội đồng quản trị
- 2.2 Ban Tổng giám đốc
- 2.3 Ban kiểm soát

#### III/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

#### IV/ NGUỒN NHÂN LỰC

- 4.1 Lực lượng lao động
- 4.2 Chính sách đối với người lao động
- 4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

### THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1.1 Hội đồng quản trị
- 1.2 Ban kiểm soát

#### II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- 2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty
- 2.2 Danh sách cổ đông sáng lập
- 2.3 Cơ cấu cổ đông
- 2.4 Doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát đối với IDI
- 2.5 Doanh nghiệp mà IDI đang nắm quyền kiểm soát



## THƯ NGỎ !

### CHỦ TỊCH HĐQT.CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA (IDI)

*Kính thưa quý cổ đông!*

- Trong 9 tháng đầu năm 2012 có khoảng 40.200 doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động tăng 6,5% so với năm 2011. Số doanh nghiệp phải đóng cửa trong hai năm 2011 và 2012 chiếm khoảng 40% tổng số doanh nghiệp phải đóng cửa kể từ khi đổi mới đến nay.

- Trần lãi suất cho vay là 15%/năm nhưng chỉ có 0,6% doanh nghiệp cho mức lãi vay này là hợp lý. Nếu phải chấp nhận mức lãi suất 15% thì chỉ có 44,1% doanh nghiệp còn chịu được trong thời gian lâu dài, 55,9% doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn. Có 31,1% doanh nghiệp cho mức lãi suất hợp lý là từ 10 – 11%, và 31,7% cho là mức 8 – 9%. Có 63,1% doanh nghiệp cho rằng hàng tồn kho là mối lo ngại trong giai đoạn này, trong đó 34,7% doanh nghiệp có hàng tồn kho quý 3 tăng lên so với quý 2 và 33,5% bằng với quý 2.

- Trong 3 tháng cuối năm 2012, khi sức cầu của nền kinh tế vẫn chưa cải thiện, lưu chuyển hàng hóa vẫn khó khăn thì tín dụng vẫn bấp bênh “Tập trung thu hồi nợ, xử lý nợ xấu, hạn chế giải ngân mới là ưu tiên hàng đầu và ngân hàng chấp nhận cái giá phải trả là tín dụng âm”. Vấn đề lãi suất không còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

- Đến cuối năm 2012 và trong 6 tháng đầu năm 2013 trong báo cáo với Quốc hội phải khẳng định hàng tồn kho phải giảm, nợ xấu ngân hàng phải giảm, nhưng nợ mới thì phải tăng. Đến nay, cho vay lãi suất về 12 - 13%/năm, mà cho vay ra chỉ có 3 - 4% thì tạo ra một hình ảnh ngân hàng rất xấu.

- Nhiều doanh nghiệp đã bị ngân hàng "đóng cửa" khi có nợ quá hạn. Nếu ngân hàng cứu doanh nghiệp thì ai cứu ngân hàng ? Sau nhiều nỗ lực cả từ phía chính phủ, doanh nghiệp, ngân hàng... sức khỏe của nền kinh tế vẫn không hồi phục. Kết thúc năm tài chính, vẫn chưa thấy ánh sáng cuối đường hầm.

- Trước bối cảnh kinh tế trì trệ, NHTW nhiều nước đã cắt giảm lãi suất nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Nhưng lại khó áp dụng với Việt Nam lúc này, khi bóng ma lạm phát đang đe dọa trở lại. Khi kinh doanh chủ yếu dựa vào vốn ngân hàng và cần "tiếp máu" ở mức nhất định. Song nền kinh tế không thể bơm tiền ra như cách làm của Mỹ vì sẽ thu về hậu quả xấu hơn là hiệu quả tốt cho nền kinh tế. Cuối cùng chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn, tạm đóng cửa để sửa sai, đẩy mạnh cơ cấu lại toàn diện là lựa chọn lúc này.

- Nhìn lại kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2012 chỉ đạt 6,18 tỷ USD so với chỉ tiêu 6,5 tỷ USD. Do thị trường tiêu thụ khó khăn, giá xuất thấp, chi phí đầu vào tăng cao. Giá trị xuất khẩu cá tra đạt 1,75 tỷ USD, thị trường EU 425,8 triệu USD, thị trường Mỹ 358,9 triệu USD, thị trường đơn lẻ Tây Ban Nha 86,7 triệu USD, Hà Lan 68,4 triệu USD, Đức 57,4 triệu USD và Anh 36,2 triệu USD, Bỉ 91,7 triệu USD. Nhưng tình hình sẽ được cải thiện trong năm 2013 do chất lượng con giống, thức ăn nuôi và tiêu chuẩn sản xuất sẽ được cải thiện hơn, nhất là an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, sức khỏe cá nuôi, bảo vệ môi trường, nhằm đảm bảo sản lượng cá tra đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn của thị trường.

- Năm 2012 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng sản xuất cá tra ở ĐBSCL đạt gần 4,6 tỷ con giống, tăng gấp đôi năm 2011, diện tích nuôi 5.910 ha, sản lượng cá thu hoạch 1.255.500 tấn tăng hơn 90.000 tấn. Năm 2013 tiếp tục thực hiện Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 và Công văn 1149/TTg-KTN với lãi suất hợp lý và cho vay theo chu trình sản xuất từ 8-10 tháng đối với sản xuất và tiêu thụ cá tra. Và sửa đổi, bổ sung Thông tư

17/2009/TT-BTNMT theo hướng xác định giá trị đất trồng lúa và đất mặt nước nuôi trồng thủy sản thành hai đối tượng riêng biệt, trên cơ sở giá trị đầu tư để phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Tháng 01/2013, giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Brazil đạt 13,4 triệu USD là dấu hiệu cho nhu cầu thị trường này đang tăng trở lại. Brazil đang đặt mục tiêu tăng lượng tiêu thụ thủy sản từ 9 kg/người lên 12kg/người, thông qua chiến dịch tiếp thị và khuyến mại về giá để thu hút người tiêu dùng mua thủy sản. Từ ngày 4/3 đến 15/3/2013 Bộ Nông nghiệp Chăn nuôi & Cung ứng Thực phẩm và Bộ Thủy sản & Nuôi trồng của Brazil sang Việt Nam đánh giá hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu và điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của các cơ sở chế biến, ao nuôi, phòng kiểm nghiệm chất lượng thủy sản.

- Ngày 10/3/2013, Hội chợ Quốc tế Thủy sản lớn nhất khu vực Bắc Mỹ được tổ chức tại thành phố Boston (Mỹ), thu hút hơn 1.000 công ty đến từ 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam chỉ có 17 công ty tham gia khiêm tốn trong 3.000 gian hàng ở Hội chợ. Sản phẩm được giới thiệu chủ yếu vẫn là cá tra, cá basa, các sản phẩm đến hội chợ đều nán nhau, đều là sản phẩm phile cá tra, cá basa và một vài sản phẩm đơn giản khác từ nguyên liệu hai loại cá này. Mặc dù các sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào Mỹ đã xuất hiện ở hệ thống bán lẻ có tên tuổi của Mỹ, nhưng vẫn còn ở con số rất khiêm tốn. Trong lúc sản phẩm thủy sản còn đơn điệu thì lại phải đối phó với những vụ kiện phá giá tại Mỹ.

- Ngày 14/3/2013, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố kết quả cuối cùng đợt xem xét hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 8 (POR8) đối với mặt hàng cá tra phile đông lạnh của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ trong giai đoạn từ ngày 01/8/2010 đến ngày 31/7/2011. Nước thứ 3 Bangladesh sẽ được thay thế bằng Indonesia. Quyết định này có hiệu lực và kéo dài tới đầu năm 2014, khi cơ quan này tiến hành đợt xem xét hành chính tiếp theo và làm mức thuế tăng từ chỉ vài cent/kg lên tới vài chục cent hay vài USD/kg. Riêng IDI không nằm trong đợt xét duyệt lần này.

- Từ ngày 12-16/4/2013, Đoàn Ucraina về thủy sản đến Việt Nam thanh tra điều kiện an toàn vệ sinh các công ty thủy sản và hệ thống giám sát nuôi trồng, chế biến, vận chuyển thủy sản, nhằm đảm bảo chất lượng thủy sản xuất khẩu vào Ucraina. Đoàn đã đến kiểm tra một số nhà máy chế biến cá tra tại Cần Thơ và Đồng Tháp. Nhằm phát huy năng lực sản xuất hàng hóa có trách nhiệm, tạo dựng niềm tin với khách hàng và là ngành sản xuất, xuất khẩu cá tra có điều kiện.

- Từ ngày 23-25/4/2013 tại Trung tâm triển lãm Brussels, Bỉ. Hội chợ quốc tế chế biến thủy sản Châu Âu năm 2013 sẽ thu hút khoảng 1.600 nhà triển lãm lớn trên thế giới, hàng ngàn du khách thương mại đến từ trên 145 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự. Là nơi gặp gỡ giữa các nhà nhập khẩu và xuất khẩu, nhà phân phối và bán buôn, siêu thị, cung cấp tất cả các loại thủy sản tươi đông lạnh. Là cơ hội để quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp chế biến thủy sản cũng là phương pháp hiệu quả để tăng cường khả năng phát triển thị trường xuất nhập khẩu hàng thủy sản Việt Nam tại Bỉ và các nước Châu Âu.

- Mặt khác, cần lưu ý cho vụ nuôi thủy sản an toàn dịch bệnh, thủy sản bố mẹ đạt chất lượng, không mang mầm bệnh, nhận biết các dấu hiệu lâm sàng của các bệnh thường gặp, môi trường vào thời điểm nhạy cảm như đầu vụ sản xuất giống, đầu vụ nuôi, trước thời điểm hay xảy ra dịch bệnh. Cải thiện nguồn nước và chuẩn bị diễn biến thời tiết bất thường. Áp dụng phương pháp nuôi an toàn dịch bệnh, xây dựng theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu dùng, ghi chép sổ từ việc mua con giống, cho ăn đến việc sử dụng thuốc thú y ... để kiểm soát nguồn gốc sản phẩm.

- Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm trong chuỗi sản xuất thủy sản của Việt Nam đáp ứng được các qui định của EU. Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU chỉ được sử dụng nguyên liệu để chế biến sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào EU từ các cơ sở được Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm và Thủy sản tỉnh hoặc

thành phố kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo qui định của Bộ NN & PTNT, đồng thời phổ biến, tuyên truyền, đào tạo kiến thức về bảo đảm an toàn thực phẩm cho các cơ sở cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến xuất khẩu sang thị trường EU.

- Với ba khâu mở rộng thị trường xuất khẩu, tháo gỡ khó khăn về vốn, giải phóng hàng tồn kho, bài toán thị trường là mục tiêu để đột phá. Ngoài hoạt động thực tế 20 nước trên thế giới nhằm quảng bá sản phẩm, tham gia các hội chợ được tổ chức hàng năm ở một số thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, . . . và tìm kiếm những thị trường tiềm năng như Ấn Độ, Australia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Trung Đông, Nam Mỹ, Canada . . . Vẫn giữ ổn định thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng nhiều thị trường khác, đưa thủy sản Việt Nam cạnh tranh với các nước có thế mạnh xuất khẩu thủy sản trên thế giới.

- Hiện nay thì diện tích nuôi cá tra của các tỉnh ĐBSCL đều tập trung 70% là ở các công ty, nên trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm và khả năng nắm bắt nhanh nuôi cá tra công nghiệp là theo hướng hiện đại. Các cơ sở nuôi cá tra từng bước áp dụng các qui trình, tiêu chuẩn nuôi thủy sản an toàn như VietGAP, GlobalGAP, ASC, BAP, . . . nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, nâng cao giá trị xuất khẩu, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, từng bước tiến tới không sử dụng phụ gia tăng trọng và tỷ lệ mạ băng sản phẩm cá tra xuất khẩu theo chuẩn mực quốc tế.

- Trước những bức tranh trên, tôi đòi hỏi mỗi CB-CNV trong công ty phải cùng ra sức, đồng lòng, đưa công ty ngày càng phát triển hơn, để tạo niềm tin với cổ đông và hướng đến một IDI tốt đẹp hơn. Với niềm tin đó, trong năm qua tuy rất khó khăn nhưng IDI đã hoàn thành nhà máy tinh luyện dầu cá và đưa vào hoạt động trong quý III/2013.

Xin thay mặt Hội đồng quản trị, tôi gửi lời chúc sức khỏe đến quý cổ đông, toàn thể CB-CNV và I.D.I luôn phồn thịnh phát triển bền vững !

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

**Kỹ sư Lê Thanh Thuận**

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

### I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

#### 1.1 Thành lập

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 do Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang thành lập, theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01/04/2011.

Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Tên tiếng Anh : International Development & Investment Corporation.

Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I

Vốn điều lệ đăng ký : 380.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp : 380.000.000.000 đồng.

Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80. Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại : 067 3680 383 Fax: 067 3680 382

Website : www.idiseafood.com

Email : idiseafood@vnn.vn

Mã số thuế : 0303141296

#### 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

○ *Đăng ký lần đầu*: Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.

○ *Thay đổi lần 1*: Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.

○ *Thay đổi lần 2*: Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.

○ *Thay đổi lần 3*: Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007, kèm theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/6/2008.

○ *Tăng vốn lần 4*: Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380 tỷ đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11//05/2010, căn cứ theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía nam (AASCS) ngày 24/8/2010.

#### 1.3 Các sự kiện khác

Trong quá trình phát triển, IDI đã được vinh dự nhận nhiều giải thưởng như sau:

- Tháng 10/2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Tháng 01/2010: Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.

- Tháng 03/2010: Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.



- Tháng 04/2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.
- Tháng 11/2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.
- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.
- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2011.
- Ngày 30/01/2013: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen CB-CNV Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Lấp Vò năm 2012.

## II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.
  - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
  - Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
  - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
  - Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
  - Kinh doanh bất động sản.



Trụ sở Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia tại CCN Vàm Cống, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp



Cổng chính vào nhà máy Thủy Sản Đa Quốc Gia trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống

## 2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban điều hành là cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, IDI chi trả đền bù và khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm CN Vàm Cống giai đoạn 1.

- Năm 2007, IDI khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1, các hạng mục phụ trợ khác và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

- Năm 2008, IDI hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động. Ghi tên I.D.I vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, IDI cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3, tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày. Dự án đầu tư Khu TTTM huyện Lấp Vò tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng trên 50 tỷ đồng với qui mô đất đai 17,37 ha, qui mô quy hoạch 14,73 ha, tổng vốn đầu tư 133,24 tỷ đồng.

- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày và tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng, diện tích sử dụng 23.450m<sup>2</sup>. Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P gần 6ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Năm 2012, đầu tư hoàn thành Nhà máy tinh luyện dầu cá, dự kiến trong quý II/2013 đi vào hoạt động. Dự án TTTM huyện Lấp Vò cũng đã san lấp xong mặt bằng để thi công cơ sở hạ tầng.

- Ngoài ra, I.D.I có tên trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.





IDI NIỆM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

### III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

#### 3.1 Các mục tiêu chính của công ty

- Cá tra là đặc sản của người tiêu dùng trên thế giới và là sản vật của Việt Nam. Nên hiện tại IDI đang tập trung đầu tư thành chuỗi sản xuất hỗ trợ lẫn nhau như: Nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu -> Nhà máy phụ phẩm -> Nhà máy tinh luyện dầu cá -> Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản -> Nhà máy lau bóng gạo -> Sản xuất bao bì, đóng gói -> Vùng nuôi cá tra tập trung, liên kết.

- Việt Nam đang đổi mới và tầm nhìn đến năm 2020 thì ngành bất động sản có một tiềm năng phát triển rất lớn, cơ hội sinh lời rất cao và luôn đóng một vai trò quan trọng để phát triển bền vững chuỗi thủy sản. Mục tiêu ngắn hạn là doanh thu tăng trưởng đều mỗi năm, mức lợi nhuận hợp lý và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

#### 3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa và đầu tư quỹ bất động sản theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn GlobalGAP phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tập trung đổi mới có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra.

- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn (EU, Nam Mỹ, Hoa Kỳ, Trung Quốc, . . .), đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác (Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Canada, Asean và Úc..). Bên cạnh đó, củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng giảm so với kế hoạch	
			Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	1.520	1.331	-189	-12%
Tổng lợi nhuận sau thuế	70	37	-33	-47%

➤ Doanh thu thuần năm 2012 giảm 12% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do trong năm phần doanh thu bất động sản tăng không đáng kể như dự kiến vì chịu ảnh hưởng Nghị quyết 11 của Chính phủ trong việc thắt chặt tiền tệ trong lĩnh vực này. Phần doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng cũng giảm nhẹ so với năm 2011.

➤ Lợi nhuận sau thuế năm 2012 giảm 47% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng từ doanh thu bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng, cũng như việc phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn. Mặt khác là do kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra cho năm 2012 hơi cao trong khi tình hình kinh tế trong năm lại vẫn còn khó khăn do lãi vay ngân hàng có giảm nhưng vẫn còn đứng ở mức cao suốt cả năm, giá cả nguyên liệu đầu vào có giảm nhưng giá thức ăn hỗ trợ cho hộ nuôi lại tăng trong khi tỷ giá vẫn ổn định.

\* Về tình hình thực hiện đầu tư trong năm 2012 so với kế hoạch như sau:

- Dự án Khu đô thị Nam thị trấn Lập Vò: Vẫn chờ các thủ tục chuẩn bị đầu tư từ phía các cơ quan nhà nước.
- Dự án Khu Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò: Đã san lấp và giải phóng xong mặt bằng.
- Dự án Nhà máy Tinh luyện Dầu cá: Sắp hoàn thành và dự kiến trong quý 3/2013 sẽ vận hành.



TOÀN CẢNH NHÀ MÁY TINH LUYỆN DẦU CÁ VÀ NHÀ MÁY BỘT CÁ



LẮP ĐẶT THIẾT BỊ GIAI ĐOẠN ĐẦU XÂY DỰNG NHÀ MÁY TÍNH LUYỆN DẦU CÀ



\* Kế hoạch năm 2012 cũng định hướng một số đầu tư như sau:

- Mua bán, chế biến và xuất khẩu gạo: Là lĩnh vực tiềm năng nhưng đang tìm nguồn vốn cho đầu tư này.
- Dự án ép trấu thành thanh củi: Nguyên liệu đốt chính của Trisedco, nguồn năng lượng dồi dào của ĐBSCL. Đang khắc phục điều kiện quản lý tự nhiên.
- Dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản: Sẽ khởi công xây dựng trong năm 2014.
- Dự án khu liên hợp công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI: Đang tìm nguồn vốn cho dự án này.



## II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Vốn điều lệ công ty vẫn giữ nguyên là 380 tỷ đồng không có thay đổi nào như đã đăng ký với Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp và niêm yết cổ phiếu IDI tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/5/2011.

## III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013

\* *Triển vọng kinh tế vĩ mô thế giới:*

- Lạm phát Mỹ đột ngột giảm khiến trái phiếu kho bạc Mỹ lao dốc, hỗ trợ nỗ lực của Fed nhằm giảm chi phí vay dài hạn. USD tiếp tục tăng cao nhất 3,5 năm so với Yên nhờ những dấu hiệu kinh tế Mỹ tăng trưởng. Sau nhiều năm là tâm điểm của mối quan hệ kinh tế Mỹ - Trung, giờ mới lo về đồng nhân dân tệ đã nhạt dần.

- Dưới áp lực không ngừng từ Thủ tướng Nhật Bản Abe, BOJ sẽ mua tài sản hoặc cho vay tổng trị giá 101 nghìn tỷ Yên (1,07 nghìn tỷ USD) bao gồm mua trái phiếu chính phủ kỳ hạn 1 đến 3 năm từ năm 2014 để đạt mục tiêu lạm phát 2%.

- Kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng vừa phải với mục tiêu tăng trưởng 7,5%, lạm phát 3,5% trong năm 2013 và gia tăng kiểm chế thị trường bất động sản.

- Kinh tế Châu Âu bắt đầu có dấu hiệu tích cực và sẽ tăng trưởng trở lại vào cuối năm 2013.

- Các nền kinh tế ASEAN trong năm 2013 sẽ tăng trưởng 5,3%, lạm phát 4,4% và sẽ tiếp tục phát triển tốt với mức tăng trưởng trung bình 5,5% từ năm 2014-2017, do ASEAN không bị tác động mạnh từ nhu cầu yếu tại Trung Quốc và Phương Tây.

- Xu thế chung là các nền kinh tế sẽ tăng trưởng trong năm 2013 đi kèm với các gói kích thích kinh tế, nói lỏng tiền tệ. Nên xu hướng giá cả hàng hóa trên thế giới sẽ tăng và có khả năng tăng mạnh khi các gói kích thích kinh tế được bơm mạnh. Việc này sẽ tác động trực tiếp đến xuất khẩu, FDI, kiều hối . . . và đặc biệt tác động đến lạm phát của Việt Nam.

\* *Triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước:*

- Việt Nam không có khủng hoảng tiền tệ khi tỷ giá tương đối ổn định. Nguy cơ khủng hoảng ngân hàng không xảy ra khi thanh khoản hệ thống được củng cố, nợ xấu từng bước được khắc phục. Khủng hoảng nợ công khó xảy ra khi nợ Chính phủ chưa đáng lo ngại.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế chưa thực sự rơi vào khủng hoảng và vì vậy mà khả năng phục hồi là rất lớn.

- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng GDP 5,5%, chỉ số giá tiêu dùng CPI 7,8% trong năm 2013 và tăng trưởng 7% trong năm 2014. Năm 2015 thì mức tăng trưởng lên 7,1%, chỉ số giá tiêu dùng tụt xuống còn 4,8%, khi thị trường xuất khẩu phục hồi, hệ thống ngân hàng trở nên ổn định hơn và những thay đổi quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ có hiệu lực.

- Chính phủ ban hành Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 2/2013, yêu cầu Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ theo hướng giảm lãi suất, tăng dư nợ tín dụng phù hợp với mục tiêu cả năm 2013, bảo đảm vừa hỗ trợ sản xuất vừa kiểm soát lạm phát, theo dõi và điều hành tỷ giá hợp lý. Đồng thời cho phép Thống đốc quyết định phương án can thiệp, bình ổn thị trường vàng trong nước và bổ sung vào dự trữ ngoại hối Nhà nước.

\* *Triển vọng khác:* Giới kinh doanh, những người đứng đầu ngành thủy sản và một số thành viên của hai đảng Dân chủ và Cộng hòa đều nhất trí việc hủy bỏ chương trình thanh tra của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA).

- 10 Thượng nghị sỹ Mỹ vừa đề xuất Dự luật S.632 nhằm hủy bỏ chương trình thanh tra cá da trơn nhập khẩu của USDA.

- Dự luật H.R.1314 cũng được Hạ nghị sỹ Vicky Hartzler (bang Missouri) và Lucille Roybal-Allard (bang California) cùng 23 thành viên trong Quốc hội đề xuất tại Hạ viện.

- Đề xuất hủy bỏ chương trình thanh tra cũng nhận được nhiều ủng hộ từ các lĩnh vực an toàn thực phẩm, giám sát ngân sách, các luật sư.

- Cơ quan Giải trình Chính phủ (GAO) đánh giá chương trình thanh tra chưa đi vào hoạt động nhưng đã tiêu tốn khoảng 20 triệu USD và sẽ còn gây tổn kém hơn nữa. Mục đích thực sự của chương trình là vực dậy ngành cá da trơn nội địa bằng tiền của người tiêu dùng Mỹ và các đối tác thương mại quốc tế.

\* *Trên những cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2013 như sau:*

+ Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy. Đồng thời triển khai nhanh dự án Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò để sớm khai thác nguồn thu từ lĩnh vực bất động sản.

+ Tiếp tục liên kết với các hộ nuôi cá tra, đảm bảo chủ động 70% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cho nhà máy.

+ Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu đi kèm với trung tâm giống.

+ Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn cho cá tra để cung cấp cho vùng tự nuôi và vùng nuôi liên kết.

+ Mở rộng thị trường xuất khẩu Bắc Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước SNG, Ucraina, Mỹ thông qua các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nước ngoài.

+ Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Ucraina, Nam Mỹ, USA.

+ Tiếp tục giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cũng như định mức sản xuất.

+ Cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo xây dựng một thương hiệu đẹp với khách hàng.

+ Triệt để khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.





VÙNG NUÔI TẠI AN THANH TRUNG



Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản





Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI





Trang thiết bị hiện đại trong Nhà Máy Thủy Sản IDI



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BỘT CÁ & DẦU CÁ

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh****MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đvt: VND

Chỉ tiêu	2011	2012
Vốn chủ sở hữu	545.928.638.990	538.298.348.645
Vốn góp cổ phần	380.000.000.000	380.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	39.609.103.424	36.589.044.556
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
EPS(1)	1.042	963
Book value(2)	14.367	14.166
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	3,61%	2,75%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	7,26%	6,80%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	2,71%	2,49%
Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	3,7%	2,25%
Tổng giá trị tài sản	1.463.309.037.579	1.468.353.445.149
Doanh thu thuần	1.097.473.165.478	1.331.157.378.976
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.740.677.920	29.926.466.185
Lợi nhuận khác	1.363.042.102	1.839.107.579
Lợi nhuận trước thuế	42.103.720.022	31.765.573.764

Ghi chú:

(1) Bằng lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phần đang lưu hành.

(2) Bằng vốn chủ sở hữu trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và các nguồn kinh phí, trừ cổ tức sẽ chia trong năm, sau đó chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

\* Doanh thu thuần: Năm 2012 đạt 1.331 tỷ đồng, tăng 21,29% tương đương tăng 233,684 tỷ đồng so với năm 2011, chủ yếu là do công ty đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản cá tra vào thị trường mới Trung Quốc và Mỹ. Trong đó, thủy sản tăng 213,323 tỷ đồng, dịch vụ tăng 18,711 tỷ đồng, bất động sản đầu tư tăng 1,883 tỷ đồng, đầu tư xây dựng hạ tầng giảm 0,234 tỷ đồng.

\* Lợi nhuận sau thuế: Năm 2012 đạt 36,589 tỷ đồng, giảm 7,62% tương đương giảm 3,02 tỷ đồng so với năm 2011. Do công ty chỉ phát triển thị trường xuất khẩu thủy sản cá tra và dịch vụ trong năm 2012 mà không phát triển đáng kể thị trường bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng.

\* Tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2012 so với năm 2011 giảm 0,86%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2012 so với năm 2011 giảm 0,46%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2012 so với năm 2011 giảm 0,22%.

- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần năm 2012 so với năm 2011 giảm 1,45%.

\* Nhìn chung, về cơ cấu doanh thu của công ty trong năm 2012 có sự thay đổi đáng kể so với năm 2011. Tuy nhiên về lợi nhuận năm 2012 lại có sự điều chỉnh giảm nhẹ so với năm 2011.

- Năm 2012, doanh thu thuần từ lĩnh vực thủy sản xuất khẩu đã tăng mạnh chiếm 95,36% tổng doanh thu. Doanh thu thuần dịch vụ cũng tăng khá chiếm 3,93% tổng doanh thu. Doanh thu thuần từ bất động sản đầu tư chỉ chiếm 0,19% tổng doanh thu. Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm 0,52% tổng doanh thu.

- Bên cạnh doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty trong năm 2012 đã tăng đáng kể, riêng lợi nhuận gộp thì giảm 2,58% tương đương giảm 5,63 tỷ đồng so với năm 2011. Cho thấy, lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay của công ty là xuất khẩu thủy sản cá tra và dịch vụ trong năm qua được đẩy mạnh phát triển tốt.

## 1.2 Tài sản

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2012 là: 1.468,35 tỷ đồng tăng 5,04 tỷ đồng tương đương tăng 0,34% so với thời điểm đầu năm vì:

- Năm 2012, tài sản ngắn hạn tăng 19,34 tỷ đồng, tương đương tăng 2,11% so với năm 2011, chủ yếu là giảm tiền và các khoản tương đương tiền 86% tương đương giảm 131,27 tỷ đồng và giảm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 100% tương đương giảm 52,9 tỷ đồng. Còn các khoản phải thu ngắn hạn tăng 11,6 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 185,75 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn khác tăng 6,17 tỷ đồng thì có sự điều chỉnh tăng mạnh so với năm 2011. Trong khi đó, tài sản dài hạn thì giảm 14,29 tỷ đồng tương đương giảm 2,61% so với năm 2011, chủ yếu là giảm tài sản cố định 2,74% tương đương giảm 11,84 tỷ đồng, giảm các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1% tương đương giảm 1,05 tỷ đồng và giảm tài sản dài hạn khác 12,1% tương đương giảm 1,4 tỷ đồng.

- Bên cạnh đó, để đảm bảo lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất, cũng như lượng thành phẩm đủ để đáp ứng nhu cầu khách hàng khi hoạt động kinh doanh xuất khẩu cá tra fillet và nguyên con đang phát triển mạnh mẽ, công ty cũng đã chủ động giữ nguyên giá trị hàng tồn kho tại mức 423,28 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012.

## 1.3 Nguồn vốn

Chi tiêu về cơ cấu vốn (lần)	2011	2012
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,63	0,63
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,68	1,73

Về cơ cấu vốn: Do nhu cầu vốn ngắn hạn khá lớn để phát triển sản xuất kinh doanh xuất khẩu thủy sản cá tra fillet đông lạnh và chế biến bột cá trong năm 2012, mà các phương án huy động vốn cổ phần của công ty trên thị trường chứng khoán trong năm 2012 đều không thực hiện được do thị trường chứng khoán bị hạn chế tín dụng nên Công ty đã chủ động tăng nợ vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng theo chủ trương về ưu đãi tín dụng cho xuất khẩu thủy sản của Chính phủ. Tuy nhiên kết thúc năm 2012, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tăng nhẹ nhưng trên tổng tài sản của công ty thì không đổi so với năm 2011 là do vay và nợ dài hạn tăng 23,99 tỷ đồng tương đương tăng 36% so với năm 2011, trong khi đó vay ngắn hạn lại giảm 10,98% tương đương giảm 70,85 tỷ đồng so với năm 2011.

## 1.4 Chỉ số thanh toán & hiệu quả sử dụng vốn

Chi tiêu về khả năng thanh toán (lần)	2011	2012
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,08	1,11
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,8	0,61



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2012 so với năm 2011 tăng 0,03 lần. Nguyên nhân hệ số thanh toán ngắn hạn tăng là do trong năm 2012 tài sản ngắn hạn tăng 2,11% tương đương tăng 19,34 tỷ đồng so với năm 2011, trong khi đó nợ ngắn hạn giảm 1,38% tương đương giảm 11,71 tỷ đồng so với năm 2011.

- Hệ số thanh toán nhanh năm 2012 so với năm 2011 giảm 0,19 lần. Nguyên nhân hệ số thanh toán nhanh giảm là do trong năm 2012 tài sản ngắn hạn tăng chỉ có 2,11% tương đương tăng 19,34 tỷ đồng, trong khi đó nợ ngắn hạn giảm chỉ có 1,38% tương đương giảm 11,71 tỷ đồng so với năm 2011. Nhưng hàng tồn kho năm 2012 lại tăng nhiều so với năm 2011 là 78,2% tương đương tăng 185,75 tỷ đồng.

- Năm 2012, việc sử dụng tạm thời một phần vốn nợ ngắn hạn để sử dụng cho các khoản đầu tư dài hạn đã phát sinh trở lại. Vì vậy, các hệ số thanh toán của công ty trong kỳ báo cáo này có xu hướng giảm so với năm 2011. Cụ thể là nợ dài hạn năm 2012 so với năm 2011 tăng 36,76% tương đương tăng 24,39 tỷ đồng, trong khi đó tài sản dài hạn giảm 2,61% tương đương giảm 14,29 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 124,288 tỷ đồng đã làm cho hiệu quả sử dụng vốn được cân bằng hơn.

## II/HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### 2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

- Công ty cung cấp sản phẩm không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, sản phẩm dưới dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... Giảm định mức sản xuất, cắt giảm chi phí và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm.

- Công ty đầu tư nhà máy chế biến thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày trong 03 giai đoạn:

+ G/đ 1: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 4/2008.

+ G/đ 2: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 8/2008.

+ G/đ 3: Công suất TK 300 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 12/2010.

Công suất khai thác hiện tại 50% công suất thiết kế, mang về doanh thu thuần xuất khẩu và nội địa trên 60 triệu USD trong năm 2012 và trên 70 triệu USD doanh thu xuất khẩu và nội địa trong năm 2013.





*Untrimmed red meat on*  
SWAI  
SWAI

CÁC SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY THỦY SẢN

- Năm 2007, UBND tỉnh Đồng Tháp giao đất có thu tiền sử dụng đất 22,95 ha tại xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cho công ty.

Trong đó:

- \* 18,25 ha làm cụm công nghiệp Vàm Cống:
  - + 6,63 ha xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 1.
  - + 3,177 ha xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm.
  - + 2,345 ha xây dựng nhà máy tinh luyện dầu cá
  - + 2,5 ha xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản
  - + 3,598 ha bao gồm đất cho sở hạ tầng và mở rộng nhà máy thủy sản 2.
- \* 4,7 ha làm đất ở tái định cư.

- Dự án Trung tâm Thương mại huyện Lấp Vò (diện tích qui hoạch 17,37 ha, diện tích dự án 14,7ha): Dự án này đã bồi thường và san lấp mặt bằng gần 80 tỷ đồng.

- Dự án Khu Đô thị Phía Nam Thị trấn Lấp Vò với quy mô 488 nền (diện tích bình quân trên 80 m<sup>2</sup>/nền): Dự án này vẫn trong giai đoạn lập phương án bồi thường.

- Dự án Khu Công nghiệp Liên hợp Cảng Nước sâu Vàm Cống: Dự án này vẫn đang lập thiết kế sơ bộ.

- Dự án Khu đô thị mới Sao Mai (diện tích 54,144 ha, tổng vốn đầu tư 333,585 tỷ đồng) tại Ấp 1, xã Mỹ Tân, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp: Dự án này còn chờ chủ trương tỉnh giao cho công ty thực hiện đầu tư theo phương thức UBND TP.Cao Lãnh thực hiện công tác bồi thường, nhà đầu tư xuất vốn đền bù.

- Cơ cấu doanh thu trong năm:

#### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2012	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1.269.433.142.364	95,36%
2	Doanh thu thuần dịch vụ	52.334.260.841	3,93%
3	Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	2.502.623.953	0,19%
4	Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng	6.887.351.818	0,52%
	<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>1.331.157.378.976</b>	<b>100%</b>

+ Trong cơ cấu doanh thu thuần, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 95,36% trong năm 2012.

+ Doanh thu thuần lĩnh vực thủy sản năm 2012 tăng 213,32 tỷ đồng tương đương tăng 20,2% so với năm 2011. Điều đó thị trường nội địa và xuất khẩu thủy sản có sự phát triển mạnh, thể hiện tiềm năng phát triển lâu dài.

+ Còn cơ cấu doanh thu thuần về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể.

- Cơ cấu chi phí trong năm:

**CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN**

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2012	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.053.563.294.491	94,21%
2	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.386.684.405	4,69%
3	Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	3.907.447.757	0,35%
4	Giá vốn của đầu tư xây dựng hạ tầng	8.427.457.269	0,75%
	<b>Tổng giá vốn hàng bán:</b>	<b>1.118.284.883.922</b>	<b>100%</b>

+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 94,21% trong năm 2012. Tăng 21,1% tương đương tăng 183,626 tỷ đồng so với năm 2011.

+ Lĩnh vực dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng thì tỷ trọng chi phí vốn tương đối thấp, chỉ chiếm lần lượt là 4,69%, 0,35% và 0,75% trong năm 2012.

- Cơ cấu lợi nhuận trong năm:

**CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP**

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2012	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp hàng hóa, thành phẩm	215.869.847.873	101,4%
2	Lợi nhuận gộp dịch vụ đã cung cấp	-52.423.564	-0,02%
3	Lợi nhuận gộp kinh doanh BĐS đầu tư	-1.404.823.804	-0,66%
4	Lợi nhuận gộp đầu tư xây dựng hạ tầng	-1.540.105.451	-0,72%
	<b>Tổng lợi nhuận gộp:</b>	<b>212.872.495.054</b>	<b>100%</b>

+ Cơ cấu lợi nhuận gộp lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng cao 101,4% so với lợi nhuận gộp từ dịch vụ chiếm tỷ trọng âm 0,02%, lợi nhuận gộp từ bất động sản chiếm tỷ trọng âm 0,66% và lợi nhuận gộp từ xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng âm 0,72% trong tổng lợi nhuận gộp. Điều đó chứng tỏ trong năm qua công ty chỉ phát triển những ngành nghề chính và có ưu thế về tiềm năng phát triển.

**2.2 Nguyên vật liệu:**

- Cá tra là nguồn nguyên liệu dễ nuôi, có thể nuôi bè, nuôi ao, nuôi trong quảng đăng, nuôi hồ và nuôi ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết vùng sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm.

- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở



thượng lưu sông Mê Kông cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít, không có ý nghĩa thị trường.

- GAFIN dự báo kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2015 có thể vượt 2,5 tỉ USD và đến năm 2020 sẽ đạt 3,6 tỉ USD. Người tiêu dùng lựa chọn cá tra làm thức ăn hằng ngày, thay thế các nguồn đạm động vật khác vì các vấn đề liên quan đến bệnh tim mạch và các vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở thịt heo, gà, bò... Trong khi nguồn cung hải sản không thể tăng, vì khai thác biển gần như bão hòa.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.

- FAO đánh giá sản lượng cá nước ngọt Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Vị thế độc quyền con cá tra càng cho phép chúng ta tin tưởng về một tương lai xán lạn và một mục tiêu phát triển bền vững.



Một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Nhà Máy TS. Đa Quốc Gia





Cụm Công Nghiệp Värm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản

- Theo quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020. Thì Viện nghiên cứu Thủy sản 2 xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về giống cá tra, cá basa để chuyển đến các Chi cục Thủy sản các tỉnh và cho nhân giống đàn cá bố mẹ có thể sinh sản được ngay sau khi chuyển giao cho các trại giống.

- Đến năm 2015, cung cấp 100% giống thủy sản cho nhu cầu nuôi, 70% giống các đối tượng nuôi chủ lực là giống sạch bệnh, chất lượng. 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và áp dụng rộng rãi công nghệ nuôi thủy sản phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng.

### 2.3 Chi phí sản xuất

#### CƠ CẤU CHI PHÍ

Số TT	KHOẢN MỤC	NĂM 2011		NĂM 2012	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	878.971.227.088	79,6%	1.118.284.883.922	85,1%
2	Chi phí bán hàng	71.132.378.359	6,5%	95.103.219.935	7,2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.626.624.274	3,0%	22.198.606.884	1,7%
4	Chi phí tài chính	115.307.898.424	10,5%	76.264.633.342	5,8%
5	Chi phí khác	4.590.954.828	0,4%	2.655.968.122	0,2%
	<b>TỔNG CHI PHÍ:</b>	<b>1.103.629.082.973</b>	<b>100%</b>	<b>1.314.507.312.205</b>	<b>100%</b>

+ Năm 2012, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần là 84% tương ứng với lợi nhuận gộp là 212,87 tỷ đồng và có xu hướng tăng so với năm 2011 là 80% tương ứng với lợi nhuận gộp là 218,5 tỷ đồng. Do công ty đã quyết liệt trong việc tăng doanh thu 6 tháng cuối năm nên tỷ trọng giá vốn hàng bán năm 2012 là 85,1% tăng so với năm 2011 là 79,6%.

+ Về chi phí bán hàng thì công ty cũng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí nhưng do tăng doanh thu nên tỷ trọng năm 2012 là 7,2% tăng nhẹ so với năm 2011 là 6,5%.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp thì tỷ trọng năm 2012 là 1,7% giảm mạnh so với năm 2011 là 3,0% là do khoản trích lập dự phòng năm nay thấp.

+ Về chi phí tài chính thì tỷ trọng năm 2012 là 5,8% giảm mạnh so với năm 2011 là 10,5% tương ứng giảm 39,04 tỷ đồng, nguyên nhân giảm là do lãi tiền vay giảm 20,03 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 18,35 tỷ đồng, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tăng 1,15 tỷ đồng, lỗ do thanh lý khoản đầu tư tăng 3,99 tỷ đồng và chi phí tài chính khác giảm 5,95 tỷ đồng.

+ Về chi phí khác thì tỷ trọng năm 2012 là 0,2% giảm so với năm 2011 là 0,4% tương ứng giảm 1,93 tỷ đồng.

Mặt khác, ban giám đốc cũng chỉ đạo kiên quyết trong việc bán hàng không để xảy ra tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn quá lâu và quá nhiều. Đồng thời kiểm soát, cải tiến và thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất nhằm hạn chế các chi phí phát sinh.

### 2.4 Trình độ công nghệ

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm trung tâm vùng nguyên



liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra và nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm. Đem đến giá thành sản xuất hợp lý.

- Đầu năm 2011 nhà máy chế biến số 1 đã hoàn thành 100% với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

+ Nhà xưởng sản xuất 15.000 m<sup>2</sup>, hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng được công suất 600 tấn NL/ngày. Kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.

+ Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn Châu Âu, công suất xử lý 240 m<sup>3</sup> nước/giờ. Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m<sup>3</sup> nước/giờ.

+ Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và hai máy phát điện dự phòng 3.250 KVA. Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.

+ Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người. Xưởng cơ khí sửa chữa. Trung tâm kiểm nghiệm. Hệ thống sân đường nội bộ, cây xanh. Đội xe vận tải hàng hóa (nguyên liệu và hàng lạnh).

+ Trụ sở làm việc đưa vào sử dụng, hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750 KVA, nhà để xe công nhân, bể chứa nước sạch 500m<sup>3</sup>, bể ly tâm nước thải, bờ kè cập sông Lấp Vò. . . .



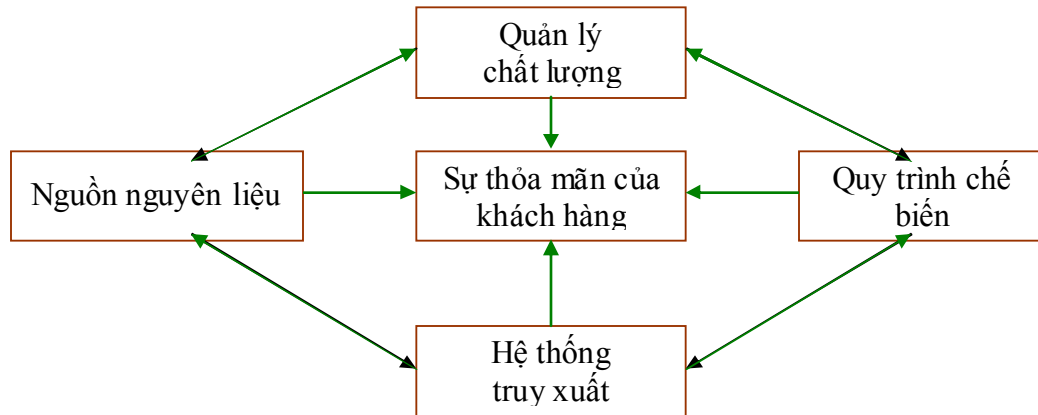
Phòng máy



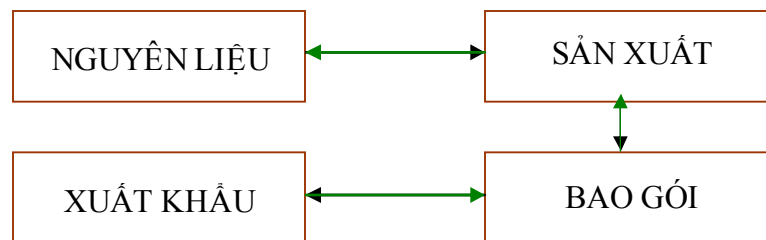


KHO LẠNH

## QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU



## QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT



### 2.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và phụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá . . . Làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.

- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của omega-3 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.

- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản ra đời sẽ sử dụng triệt để bột cá do Trisedco sản xuất, nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, tạo một dây chuyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu mua bán và chế biến gạo là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước.

**Thịt cá sông tươi - Qui cách đóng gói: 3 kg/thai nhôm**  
**Fresh Fish Swimming Bladder - Pack size: 10.5 kg/piece of foil**  
**新鲜鱼胆 - 包装规格: 3公斤/铝箔袋**

**Thịt cá sông đông lạnh - Qui cách đóng gói: 3 kg/thai nhôm**  
**Frozen Fish Swimming Bladder - Pack size: 10.5 kg/piece of foil**  
**冷冻鱼胆 - 包装规格: 3公斤/铝箔袋**

**Bụng cá tươi**  
**Fresh Fish Belly**  
**新鲜鱼肚**

**Bụng cá tươi**  
**Fresh Fish Swimming Bladder**  
**新鲜鱼胆**

**Skin cá tươi**  
**Fresh Fish Skin**  
**新鲜鱼皮**

**Thịt cá tươi**  
**Fresh Fish Fillets**  
**新鲜鱼片**

**Bụng cá tươi**  
**Fresh Fish Stomach**  
**新鲜鱼肚**

**Phụ phẩm từ Cá Tra**  
**Pangasius Filleting offal Products**  
**巴沙鱼副产品**





**Mỡ Cá**  
**Fish Oil**  
**巴沙鱼油**





**Bột cá** **Fish meal** **鱼粉**



Xuất xứ: Việt Nam  
Loại cá: cá Tra  
Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)  
/bao chít  
Số lượng cung ứng: 1.000-1.200 tấn/tháng

**Tiêu chuẩn chất lượng** **Tiêu chuẩn Việt Nam**

Độ ẩm (%)	58 - 62
Độ ẩm (%)	10 max
Tro (%)	20 max
Độ axit (mg/100g)	100 max
Chất béo (%)	10 max

Original: Vietnam  
Species: Pangasius Fish  
Packing: 50kg Neopolypropylene bag  
Quantity for sales: 1000-1200 MT/month

**Specification** **TCVM Standard**

Crude protein (%)	58 - 62
Moisture (%)	10 max
Ash content (%)	20 max
TVBN (mg/100g)	100 max
Lipid (%)	10 max

产地: 越南  
品种: 巴沙鱼  
包装规格: 50kg (净重) / 吨料装  
供应量: 1,000-1,200吨/月

**质量标准** **越南标准**

粗蛋白含量 (%)	58 - 62
水分 (%)	10 max
灰分 (%)	20 max
挥发性氮 (mg/100g)	100 max
脂肪含量 (%)	10 max

Xuất xứ: Việt Nam  
Loại cá: cá Tra  
Qui cách đóng gói: 193kg thùng phi hoặc 20 tấn/thùng  
Số lượng cung ứng: 1000-1200 tấn/tháng

**Tiêu chuẩn chất lượng** **Tiêu chuẩn Việt Nam**

Chỉ số Acid (mgKOH/g) 3% max  
Chỉ số Iodine (g/2100g) 80 max

Original: Vietnam  
Species: Pangasius Fish  
Packing: 193 kg Net weight/Drum or 20 MT net weight/box/tank  
Quantity for sales: 1000-1200MT/month

**Specification** **TCVM Standard**

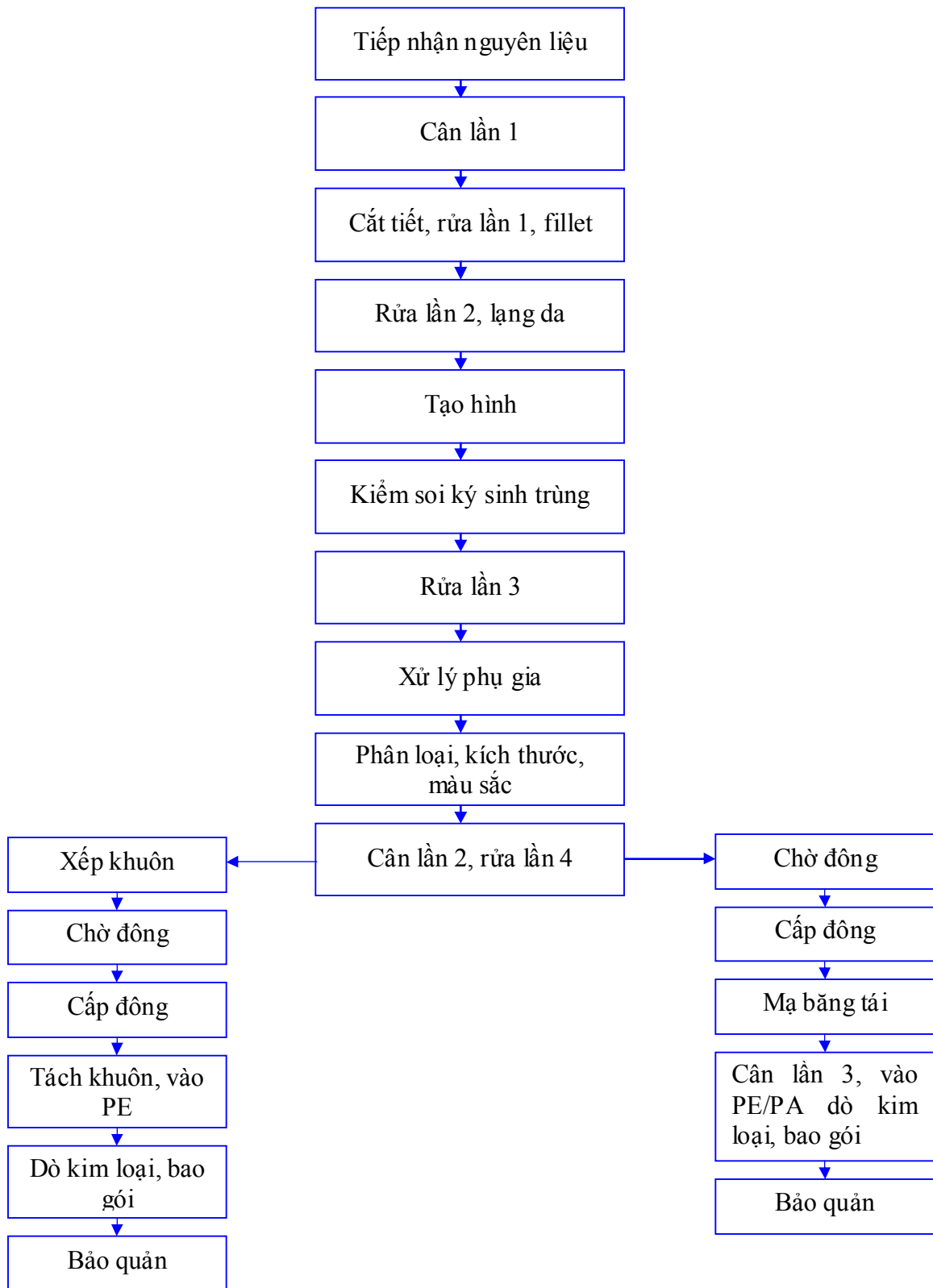
Acid value (mgKOH/g) 3% max  
Iodine value (g/2100g) 80 max

产地: 越南  
品种: 巴沙鱼  
包装规格: 193kg 桶 或 20吨/箱/桶  
供应量: 1000-1200吨/月

**质量标准** **越南标准**

酸价 (mgKOH/g) 3% max  
碘价 (g/2100g) 80 max

### QUY TRÌNH CHẾ BIẾN





Xe lạnh đang nhận hàng tại kho lạnh của nhà máy Thủy sản Đa Quốc Gia

## 2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2008, IFS, HALAL, GLOBAL G.A.P, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

## 2.7 Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Công ty hằng năm tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.

- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.

- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.

- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.





Tham gia Hội chợ triển lãm Thủy sản Quốc tế



IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN TẠI TRUNG QUỐC







Nhà máy chế biến Bột cá - Dầu cá



Toàn cảnh nhà máy Bột cá & Dầu cá

## 2.8 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.

- Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, . . . TC Thủy sản, TC Chứng khoán, báo Đầu tư tài chính, báo An Giang . . . Tạo ấn tượng đẹp về IDI đến với mọi người.

- Công ty tuân thủ các qui định của pháp luật. Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác. . . Giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu IDI.

## 2.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhân hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/3/2009.

- Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu:

- Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến cá cá tra, cá basa, tôm, mực, nghêu, sò.
- Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
- Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
- Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa, lươn, các loại cá biển như cá bob, cá ngừ, nuôi trồng thủy hải sản.

### III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

#### 3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

##### *a/ Tình hình kinh tế - tài chính thế giới:*

Kinh tế thế giới năm 2013 khó khăn sẽ sớm qua đi và tăng trưởng toàn cầu sẽ sáng sủa hơn. Có khả năng là một năm nửa kinh tế Mỹ và toàn cầu tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, bức tranh tăng trưởng có thể sẽ sáng sủa hơn trước đây một chút và các nhà đầu tư có thể thoải mái hơn về một số nguy cơ lớn mà họ đã phải lo lắng suy nghĩ trong vài năm qua.

*a1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn, con đường phía trước sẽ thoáng đãng hơn:*

Xét từ góc độ thị trường thì thách thức lớn nhất chính là rủi ro tăng trưởng kinh tế sẽ tập trung vào đầu năm 2013. Quý 1 sẽ xuất hiện hiện tượng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trì trệ hơn, khoảng cách về nhịp độ tăng trưởng giữa các khu vực trên thế giới bị mở rộng, đặc biệt là ở các nước phát triển. Tuy nhiên, kinh tế toàn cầu vẫn còn dư địa tăng trưởng nhờ tình trạng chênh lệch sản lượng và nguồn cung năng lượng dồi dào hơn.

*a2. Các ngân hàng trung ương hàng đầu thế giới sẽ tung ra nhiều hơn các biện pháp nới lỏng chính sách tiền tệ:*

Môi trường chính sách lãi suất siêu thấp sẽ tiếp tục được duy trì ở các nền kinh tế lớn nhất thế giới. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ chuyên hướng quyết định chính sách sang hướng lấy vĩ mô làm nền tảng, chứ không phải theo diễn biến hàng ngày như trước. Ngân hàng Trung ương Châu Âu sẽ bí mật tiến hành các chương trình thu mua tài sản tư nhân. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản có thể sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng khả năng sẽ có nhiều xáo trộn lớn trong ngắn hạn. Đây cũng là vấn đề đang gây tranh luận nhiều nhất.

*a3. Cơ sở “tìm kiếm lợi suất” sẽ ngày càng trở nên khó nắm bắt:*

Năm 2013, lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ sẽ tăng lên, nhưng không có ảnh hưởng lớn tới mức gây ra một làn sóng nhà đầu tư đổ tiền vào lĩnh vực này để tìm kiếm lợi ích. Đến năm 2014, do tăng trưởng cao hơn và tác dụng của các chương trình nới lỏng định lượng không ngừng giảm đi, thị trường trái phiếu sẽ gặp rủi ro. Vay tín dụng được nới lỏng sẽ khiến các công ty sử dụng đòn bẩy trở lại, vì thế rủi ro này sẽ phình to hơn. Tuy nhiên, chất lượng tín dụng doanh nghiệp sẽ vẫn còn khả quan tại hầu hết các thị trường.

*a4. Thị trường bất động sản của Mỹ sẽ dần ổn định trở lại, khu vực tư nhân sẽ từng bước hồi phục:*

Sự cải thiện trên thị trường nhà đất Mỹ sẽ tiến thêm được một bước trong năm 2013. Các hoạt động trên thị trường này sẽ tiếp tục được mở rộng, trong bối cảnh lãi suất thế chấp vẫn duy trì ở mức thấp kỷ lục và các điều kiện cho vay tương đối dễ dàng. Có hai loại tài sản mà nhà đầu tư cần lưu tâm. Thứ nhất là các chứng khoán được chọn từ chỉ số tài chính đo lường giá trị chung của các khoản thế chấp dưới chuẩn (ABX Index). Thứ hai là các ngân hàng của Mỹ – đối tượng được hưởng lợi khi các hoạt động cung cấp tín dụng nhà ở bình thường trở lại nếu giá nhà tiếp tục tăng cao.

*a5. Khu vực đồng Euro sẽ không còn gây nhiều rủi ro cho kinh tế toàn cầu, nhưng đây vẫn là một bước cản:*

Tăng trưởng kinh tế khu vực Châu Âu vẫn còn yếu kém trong năm 2013, trong đó trọng tâm cần giải quyết vẫn là khủng hoảng nợ công. Rủi ro kinh tế Tây Ban Nha sẽ gia tăng trong đầu năm 2013. Sự can thiệp của Ngân hàng Trung ương châu Âu có thể sẽ làm giảm áp lực cho kinh tế Tây Ban Nha. Sức ép đối với kinh tế Italy có thể giảm bớt nhưng cuộc tẩy chay sẽ khiến tình hình chính trị tại đây trở nên thiếu ổn định. Kinh tế của Pháp về cơ bản sẽ suy yếu, nhưng môi trường tiền tệ nới lỏng có thể sẽ mang lại tác dụng bù đắp phần nào. Dù rủi ro tại Khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn cao hơn so với bất kỳ khu vực nào khác, nhưng các tài sản của khu vực này vẫn có thể chứng kiến đà tăng mạnh nhờ những tiến triển trong chính sách và sự vắng bóng của các mối căng thẳng mới.

*a6. Các nền kinh tế trung tâm và ngoại vi Khu vực đồng tiền chung sẽ tiếp tục bị phân hóa:*

Đức sẽ xuất hiện hiện tượng tăng trưởng “quá nóng”. Sự chênh lệch về tăng trưởng kinh tế giữa Đức và các nước khác như Tây Ban Nha sẽ trở nên rõ ràng hơn. Lĩnh vực giao dịch các quốc gia ngoại vi Khu vực đồng tiền chung và lĩnh vực phi giao dịch của các quốc gia trung tâm của khối này sẽ trở nên rõ nét hơn.

*a7. Tăng trưởng kinh tế các thị trường mới nổi sẽ khiến căng thẳng công suất lặp lại:*

Năm 2013, tăng trưởng kinh tế của các thị trường mới nổi sẽ tăng tốc nhưng dư địa tăng trưởng không lớn bằng các thị trường phát triển. Lạm phát sẽ gia tăng rủi ro thắt chặt chính sách tiền tệ vào cuối năm 2013 và trong 2014. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ bị kìm lại, dần theo hướng ổn định.

*a8. Tình trạng phân hóa giữa các thị trường mới nổi sẽ tiếp tục diễn ra:*

Các nền kinh tế khác nhau sẽ có những biện pháp ứng phó không giống nhau đối với sức ép lạm phát. Một số nền kinh tế sẽ xuất hiện tình trạng mất cân bằng tài khoản vãng lai. Dù vậy, ít nhất các thị trường vẫn có một số điểm tương đồng. Chẳng hạn như các thị trường không cho rằng các quốc gia Đông Nam Á sẽ nâng lãi suất.

*a9. Những căng thẳng trên thị trường hàng hóa sẽ được xoa dịu trong trung hạn:*

Thị trường hàng hóa toàn cầu sẽ xuất hiện sự thu hẹp mang tính chu kỳ, nhưng về cơ bản là ổn định hơn. Dự báo tính kết cấu của thị trường dầu mỏ sẽ theo hướng ổn định, giá cả bình ổn hơn, nhưng xu hướng tăng giá sẽ còn tiếp tục. Lượng cung ứng dầu thô của Mỹ sẽ làm giảm bớt sức ép cho toàn cầu. Điều quan trọng là thị trường dầu sẽ ổn định hơn với khả năng đạt được nguồn cung dồi dào hơn tại mức giá từ 80 – 90 USD/thùng ngày càng tăng cao. Khi tình trạng căng thẳng nguồn cung năng lượng toàn cầu được xoa dịu cũng là lúc một trong những trở ngại lớn đến đã phục hồi kinh tế được đẩy lùi.

*a10. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ theo hướng ổn định (trên 8%), nhưng không mạnh như trước:*

Thị trường địa ốc của Trung Quốc sẽ liên tiếp xuất hiện đỉnh có tính chu kỳ, nhu cầu xây dựng giảm xuống sẽ gây sức ép cho thị trường quặng sắt và than đá. Trong khi đó, việc hoàn thành các tòa nhà mới trong vòng 6-9 tháng tới có thể thúc đẩy giá đồng nhưng kim loại này có thể đạt đỉnh sau đó.

*a11. Kinh tế Mỹ hết thời ẻo uột:*

Năm 2013 sẽ là năm cuối cùng nền kinh tế Mỹ ở trong tình trạng ẻo uột như hiện nay. Kinh tế Mỹ giai đoạn 2013 – 2016 sẽ vượt qua cam go và rất lạc quan về nền kinh tế đầu tàu thế giới. Sau năm 2013, kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng với tốc độ trên 3%. Đây là con số không có gì đáng ngạc nhiên nhưng là tỷ lệ tốt hơn nhiều so với tốc độ hồi phục của kinh tế Mỹ thời kỳ 2009. Báo cáo được đưa ra dựa trên mô hình cân bằng tài chính. Mô hình này cho rằng thặng dư của khu vực tư nhân tăng lên sẽ bù đắp được thâm hụt của khu vực công. Kể từ 6 tháng cuối năm 2013 khi thị trường nhà đất phục hồi mạnh mẽ hơn, các công ty bắt đầu giải ngân lượng vốn lớn hiện đang bế tắc vì nhiều lo ngại và tỷ lệ tiết kiệm cá nhân sẽ giảm xuống.

*a12. Hoạt động sản xuất của khu vực châu Á tăng trưởng trong tháng 3 cho thấy kinh tế khu vực này đang phục hồi:*

- Chỉ số PMI của Trung Quốc trong tháng 3 tăng từ 50,1 lên 50,9 điểm nhưng vẫn thấp con số dự báo 51,6 điểm.

- Chỉ số PMI của Việt Nam chạm mức cao 23 tháng đạt 50,8 điểm trong khi PMI của Hàn Quốc là 52,0 điểm nhờ tăng trưởng vững chắc trong đầu ra và các đơn đặt hàng mới từ Trung Quốc và Nhật Bản tăng mạnh.

- Tại Đài Loan, chỉ số PMI tăng từ 50,2 lên 51,2 điểm trong tháng 3, tháng tăng thứ 4 liên tiếp nhờ các đơn hàng mới trong nước và nước ngoài tiếp tục tăng cao.



- Chỉ số PMI của Indonesia đạt cao nhất trong 4 tháng từ 50,5 lên 51,3 điểm trong tháng 3. Chỉ số này được củng cố bởi các đơn đặt hàng mới và tăng trưởng trong sản xuất.

- Chỉ số PMI của Ấn Độ trong tháng 3 giảm từ 54,2 xuống 52,0 điểm nhưng vẫn cho thấy sự cải thiện trong sản xuất của Ấn Độ.

*a13. Những rủi ro toàn cầu trong năm 2013 sẽ xuất phát từ internet và các thị trường mới nổi:*

- Những thông tin khiến các doanh nghiệp mất phương hướng và hỗn loạn có thể lan truyền chỉ trong chớp mắt thông qua internet, những cơn bão lừa kỹ thuật số có thể tàn phá toàn cầu. Các thương nhân, con người, thậm chí là những robot có thể sụp đổ, phải thực sự cảnh giác trước những rủi ro từ tốc độ lan truyền của mạng internet.

- Các doanh nhân luôn phải sẵn sàng tâm lý đối đầu với những thông tin mới chỉ tập trung vào các rủi ro chính trị thay vì kinh tế. Những rủi ro chủ yếu xuất phát từ các nền kinh tế mới nổi. Các nước giàu thì khả năng quản lý các rủi ro khá tốt để đối phó khủng hoảng, điển hình là Mỹ. Các nước mới nổi lại có rất ít kinh nghiệm ứng phó với những biến động loại này.

*b/ Tình hình kinh tế xã hội trong nước: Vấn đề vĩ mô quan trọng cần chú ý trong năm 2013.*

*b1. Hệ thống ngân hàng:* Những “nút thắt” quan trọng của hệ thống là nợ xấu, ngân hàng yếu kém.

\* *Nợ xấu:* Công ty Quản lý tài sản (VAMC) ra đời có thể mua nợ dựa trên giá trị sổ sách của khoản vay, thành lập ban kiểm soát độc lập để cập nhật, đánh giá và công khai kết quả là yêu cầu cần thiết, để định hướng cho công cuộc xử lý nợ xấu.

\* *Ngân hàng yếu kém:* Lộ trình thanh tra, khoanh vùng và xây dựng phương án tái cơ cấu ở nhóm ngân hàng này về cơ bản đã hoàn thành. Kết quả đạt được khả quan sẽ tác động tốt đến sức khỏe của hệ thống ngân hàng và ngược lại chưa thể khẳng định các ngân hàng này sẽ không còn là nhân tố gây nhiễu trên thị trường ngân hàng; nhưng ít ra những ảnh hưởng này có thể được kiểm soát và hạn chế trong thời gian tới.

*b2. Thị trường bất động sản:* Bất động sản đóng băng khiến dòng tiền đầu tư rất lớn bị chôn chặt. Dư nợ tín dụng liên quan bất động sản hơn 1,2 triệu tỷ đồng hiện là khối u lớn nhất cần được tháo gỡ. Gói giải cứu như đề cập trong Nghị quyết 02/NQ-CP được kỳ vọng sẽ phát huy tác dụng. Tuy nhiên, các biện pháp này đều cần có thời gian để kích thích thị trường hồi phục trở lại.

\* *Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở và kinh doanh bất động sản:*

- Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở và doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng như sắt, thép, xi măng, gạch, ngói được gia hạn 6 tháng thời hạn nộp thuế gia tăng đối với số thuế GTGT phải nộp tháng 1, 2, 3 năm 2013. Được gia hạn nộp thuế đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư – kinh doanh nhà ở.

- Giảm 50% tiền thuê đất năm 2013, năm 2014 đối với các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước cho thuê đất mà số tiền phải nộp theo quy định tại Nghị định 121/2010/NĐ-CP tăng quá 2 lần so với mức nộp năm 2010.

- Điều tiết nguồn cung, phân loại các dự án phát triển nhà được tiếp tục thực hiện, các dự án cần điều chỉnh cơ cấu, loại hình nhà ở, cho phép chuyển các dự án nhà ở thương mại sang làm nhà ở xã hội. Hỗ trợ doanh nghiệp BĐS điều chỉnh hoạt động kinh doanh, giảm giá bán, điều chỉnh cơ cấu hàng hóa, khuyến khích hình thức cho thuê, thuê mua.

- Cho vay đối với các doanh nghiệp nhà ở xã hội, doanh nghiệp chuyển đổi công năng của dự án đầu tư sang dự án nhà ở xã hội với lãi suất hợp lý và kỳ hạn trả nợ phù hợp.

\* *Hỗ trợ người dân có nhu cầu thuê, mua nhà:*

- Cho vay đối tượng thu nhập thấp, cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang để thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70m<sup>2</sup> với lãi suất thấp, kỳ hạn trả nợ phù hợp.

- NHNN sẽ không kiểm soát tỷ trọng cho vay đối với lĩnh vực không khuyến khích. Tuy nhiên, cơ quan này sẽ tiếp tục kiểm soát tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD và tăng trưởng tín dụng năm 2013 ước vào khoảng 12%.

\* *Kỳ vọng làn sóng vốn ngoại:* Chính phủ sẽ xem xét mở rộng đối tượng mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trong bối cảnh nguồn vốn đang dần bị kiệt quệ thì đây hẳn là mong đợi nhằm kích thích thị trường bất động sản hồi phục.

*b3. Chỉ số CPI:* Theo đánh giá của Bộ Tài chính, 9 tháng còn lại của năm 2013, bên cạnh các yếu tố tác động như giá xăng dầu thế giới diễn biến phức tạp, bão lũ, dịch bệnh... thì 2 yếu tố mang tính chủ quan trong chỉ đạo điều hành có thể làm tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là viện phí và học phí. Dự kiến 8 tỉnh, thành phố sẽ tăng giá dịch vụ khám chữa bệnh trong năm nay và khả năng tăng giá dịch vụ giáo dục phổ thông và mầm non năm học 2013-2014. CPI 3 tháng đầu năm tăng 2,39%, thấp nhất so với cùng kỳ 4 năm qua. Mục tiêu Quốc hội đặt ra là giữ CPI năm 2013 dưới 8%.

#### c/ Tình hình cá tra nguyên liệu

Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2012 có nhiều biến động ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả vùng nuôi. Việc xác định giá cá nguyên liệu trên thị trường là vấn đề rất khó cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có dự báo giá cá nguyên liệu trên thị trường từng tháng, ba tháng và sáu tháng. Đồng thời quản lý được tỉ lệ nguyên liệu giữa cá tự nuôi, cá nuôi liên kết và cá mua ngoài. Dự kiến tổng khối lượng cá nguyên liệu đưa vào sản xuất năm 2013 là: 57.600 tấn. Tăng 18.191 tấn.

c1. Tổng sản lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất năm 2012:

Tháng	Tên hàng	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền
1	Cá tra NL	Kg	1.357.485	25.878	35.128.361.938
2	Cá tra NL	Kg	2.552.454	25.935	66.197.069.908
3	Cá tra NL	Kg	3.039.396	24.325	73.933.135.748
4	Cá tra NL	Kg	2.758.193	23.132	63.803.365.328
5	Cá tra NL	Kg	3.203.774	22.716	72.776.469.232
6	Cá tra NL	Kg	3.194.084	21.206	67.734.584.609
7	Cá tra NL	Kg	3.927.490	21.045	82.654.459.918
8	Cá tra NL	Kg	3.650.503	22.027	80.409.543.924
9	Cá tra NL	Kg	3.651.855	22.123	80.790.256.071
10	Cá tra NL	Kg	4.048.309	21.903	88.670.243.015
11	Cá tra NL	Kg	3.507.098	22.107	77.530.378.847
12	Cá tra NL	Kg	4.518.957	22.846	103.240.874.156
<b>Tổng cộng:</b>		<b>Kg</b>	<b>39.409.598</b>	<b>22.656</b>	<b>892.868.742.694</b>

- Số lượng năm 2012 tăng: 8.748.380 kg tương đương tăng 28,53% so với năm 2011 là 30.661.218 kg.



*Pangasius Fillets*

SẢN PHẨM TỪ CÁ TRA XUẤT KHẨU



- Giá trị năm 2012 tăng: 123.197.370.444 đồng tương đương tăng 16% so với năm 2011 là 769.671.372.250 đồng.
- Nhà máy sản xuất bình quân năm 2012: 3.284.133 kg/tháng. Tháng cao điểm đạt 4.518.957 kg/tháng.
- Giá cá nguyên liệu bình quân năm 2012: 22.656 đồng/kg.

c2. Tình hình thu mua nguyên liệu:

Chỉ tiêu	Diện tích ao công ty	Diện tích ao liên kết	Mua ngoài
- Diện tích	11,5 ha	95,30 ha	94,20 ha
- Sản lượng	2.309 tấn	19.067 tấn	18.848 tấn
- Tỷ lệ	5,74%	47,47%	46,85%

Giá cá tra nguyên liệu liên tục giảm từ 28.300 đồng/kg trong tháng 01/2012 xuống còn 21.500 đồng/kg vào thời điểm cuối năm 2012. Nhưng giá thức ăn lại tăng đã gây áp lực cho các hộ nuôi. Với 3 lần tăng giá, hiện nay đang ở mức 12.000 đồng/kg, thức ăn chiếm 80% cơ cấu giá thành nuôi cá nên hầu hết các hộ nuôi đều bị lỗ. Công ty đã chủ động đầu tư mở rộng vùng nuôi liên kết và mua cá ngoài nên đã đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy.

c3. Tình hình đầu tư liên kết:

Năm 2012, sản lượng cá đầu tư liên kết tăng 32% so với năm 2011. Việc liên kết đã hỗ trợ cho những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ (size 3-5 hoặc size 5-7) mà mua ngoài không có kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu. Ngoài ra, với mô hình này đã tận dụng được kinh nghiệm, tay nghề của hộ nuôi, thông qua việc góp vốn bằng hầm, cá giống, thuốc thủy sản, công nuôi và thức ăn cho cá đến khi đạt trọng lượng 100 gram/con, đã tạo cho chủ hầm có trách nhiệm với phần vốn góp này. Thực tế vốn góp của chủ hầm chiếm 22% đến 25% giá thành cho 1kg nguyên liệu.

Về phương thức đầu tư thì các năm trước chỉ đổ thức ăn và thu lại cá nguyên liệu thấp hơn giá thị trường từ 500 đồng đến 700 đồng/kg cá và hộ nuôi phải trả lãi phần thức ăn đã nhận. Sang 2012 đã áp dụng phương thức khoán nuôi gia công, đây là phương thức thấp nhất mà hộ nuôi có thể chấp nhận được và có thể cung cấp giá cá nguyên liệu trước 6 tháng để chủ động bán hàng.

c4. Tình hình vùng nuôi công ty:

Công ty có hai vùng nuôi là An Thạnh Trung và Tân Hòa. Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi ghi chép cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được công khai. Hệ số thức ăn của các hầm đều dưới 1.6, chi phí thuốc nằm trong khoảng 380 đến 405 đồng/kg cá nguyên liệu. Đây là một giá thành hợp lý. Ngoài ra thì hai vùng nuôi cũng đã hình thành được qui trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá. Do đó, chỉ tiêu nuôi trồng đến năm 2015 phải đảm bảo cung cấp từ 20% đến 22% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy.

c5. Tình hình quản lý chất lượng:

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng sau:

\* Vùng nuôi Tân Hòa: Đang thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, kinh phí khoảng 400 triệu đồng, hiện UBND tỉnh Đồng Tháp đã hỗ trợ 65 triệu đồng, WWS hỗ trợ 40%, phần còn lại Proconco hỗ trợ. Dự kiến tháng 3/2013 sẽ mời tổ chức WWS đánh giá.

\* Vùng nuôi An Thạnh Trung: Đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Global GAP. Kinh phí thực hiện 130 triệu đồng. Công ty Việt Thắng hỗ trợ 65 triệu đồng, phần còn

lại đang gửi hồ sơ xin Sở NN & PTNT An Giang hỗ trợ. Đồng thời triển khai quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn BAP. Đây là tiêu chuẩn áp dụng cho các lô hàng vào thị trường Hoa Kỳ. Nếu tính cả cho nhà máy thì kinh phí khoảng 600 triệu đồng, chủ yếu là phí cấp giấy chứng nhận ACC và việc đóng phí thường niên tính theo sản lượng của ACC.

c6. Tình hình thực hiện đầu tư thức ăn năm 2012:

Khách hàng	Số lượng (kg)	Thành tiền
- PROCONCO	22.823.000	246.565.373.208
- VIỆT THẮNG	8.439.000	93.116.952.512
- VINA	817.000	9.349.305.278
- AFIEX	1.213.400	13.249.862.610
- TÂY NAM	179.320	1.925.118.021
- DOMENAL	265.000	2.800.030.906
<b>Cộng:</b>	<b>33.736.720</b>	<b>367.006.642.535</b>

c7. Tình hình kế hoạch cho năm 2013:

Công tác dự báo thị trường cá tra nguyên liệu phải được cập nhật và phân tích thường xuyên để giải quyết bài toán đầu tư sản lượng bao nhiêu là hợp lý. Phương thức và cơ cấu đầu tư cần tính toán cụ thể nhằm hạn chế những rủi ro biến động của thị trường. Song do tính chất phức tạp của nhiều yếu tố tác động nên tình hình dự báo năm nay chỉ đến quý II và nửa quý III. Ngoài ra, cần theo dõi sự biến động về diện tích nuôi, lượng cung cấp thức ăn viên nhỏ ra thị trường, tình hình cá giống, mức tiêu thụ cá nguyên liệu của các nhà máy chế biến.

- Tình hình cá nguyên liệu đã đầu tư 4 tháng/2013: Tháng 01 là 1.260 tấn, tháng 02 là 1.450 tấn, tháng 3 là 3.912 tấn, tháng 4 là 3.525 tấn. Số cá nguyên liệu này đáp ứng được 80% nhu cầu sản xuất của nhà máy.

- Để đưa sản lượng nuôi tăng gấp 3 lần năm 2012 thì diện tích nuôi cần từ 18 đến 20ha, nguồn vốn từ 170 đến 175 tỷ đồng, nhân lực cần từ 36 đến 38 người và có ít nhất 4 kỹ sư chuyên ngành nuôi trồng thủy sản. Phương án thuê hầm nuôi là phù hợp với điều kiện nhiều vùng nuôi bị bỏ trống có thể thuê lại được.

- Phương thức đầu tư thì có thể theo tỷ lệ sau: Đầu tư tính theo giá thị trường là 30%, đầu tư chốt giá trước với chủ hầm là 30%, khoán nuôi gia công là 40%. Như vậy, công ty có thể dự báo giá cá tra nguyên liệu trước từ 5 đến 6 tháng để chủ động đàm phán giá khi bán hàng.

d/ Đánh giá tình hình xuất khẩu

Xuất khẩu cá tra năm 2012 chỉ đạt 1,74 tỷ USD, giảm 3,4% so với năm 2011. Khó khăn lớn nhất trong xuất khẩu cá tra đến từ thị trường chủ lực EU, khu vực đang suy giảm mạnh nhập khẩu thủy sản do kinh tế gặp nhiều khó khăn. Xuất khẩu cá tra sang EU cả năm 2012 chỉ đạt 425,8 triệu USD, giảm 19,1% so với năm 2011. Trong đó các thị trường chủ lực như Tân Ban Nha, Đức, Hà Lan đều giảm mạnh trên 20%.

Thị trường Mỹ đạt doanh số năm 2012 là 358,9 triệu USD tăng 8,2% so với năm 2011. Do nhiều doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xuất khẩu sang Mỹ khi thị trường EU gặp khó khăn, đã làm tổn kho dự trữ tại Mỹ tăng mạnh. Ngoài ra giá xuất khẩu cá tra từ tháng 5/2012 luôn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2011 (Giá xuất khẩu cá tra bình quân sang Mỹ đã giảm dần từ 3,5 USD/kg vào tháng 4/2012 xuống còn khoảng 3,05USD/kg cuối năm 2012, trong khi bình quân cùng kỳ năm 2011 khoảng từ 3,5 USD/kg- 3,8 USD/kg), một phần

do ảnh hưởng giảm giá chung của các loài cá nước ngọt tiêu thụ ở thị trường này, phần do nhiều doanh nghiệp trong nước đã chấp nhận bán phá giá để giải phóng hàng tồn kho, thanh toán nợ cho ngân hàng.

Trung quốc là thị trường duy trì tăng trưởng cao nhất trong năm 2012 với mức tăng mạnh 31,5% do nhu cầu tiêu thụ cá tra của thị trường này đang tăng cao.

Xuất khẩu sang hầu hết các thị trường khác như: ASEAN, Mexico, Brasil, Arap Xêut, Columbia . . . trong năm 2012 đều giảm nhẹ từ 0,4%-10%.

### Xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2012

Thị trường	GTXK 2012	Tỷ trọng	+/- 2011
- EU	425,8	31,5%	- 19,1%
- Mỹ	358,9	26,5%	8,2%
- ASEAN	110,4	8,2%	-0,4%
- Mexico	101,5	7,5%	-6,9%
- Brasil	79,1	5,8%	-6,4%
- TQ & HK	73,0	5,4%	31,5%
- Arập Xêut	52,3	3,9%	-10,7%

Trong bối cảnh tình hình xuất khẩu cá tra của Việt Nam như trên thì Công ty IDI được sự chỉ đạo kịp thời và sâu sát của Chủ tịch HĐQT và sự nỗ lực của hơn 2.200 CB-CNV, Công ty đã xuất khẩu đạt giá trị 54,4 triệu USD tăng 8,42% về giá trị, khối lượng tăng 18,88%, do giá xuất khẩu năm 2012 giảm so với năm 2011. Công ty được xếp ở vị trí thứ 5 trong ngành xuất khẩu cá tra Việt Nam.

### Xuất khẩu cá tra năm 2012

STT	THỊ TRƯỜNG	DOANH SỐ (USD)	TỶ TRỌNG (%)
1	COLOMBIA	15.878.701	29,17
2	BRAZIN	11.575.055	21,26
3	MỸ	5.427.566	9,97
4	MỀ XI CÔ	5.259.256	9,66
5	HONGKONG	3.294.079	6,05
6	TRUNG QUỐC	2.600.291	4,78
7	Á RẬP SAUDI	2.325.390	4,27
8	ẤN ĐỘ	1.045.650	1,92
9	MALAYSIA	1.011.192	1,86
10	UCRAINA	710.750	1,31
11	ANGÈRI	704.403	1,29
12	SINGAPORE	627.558	1,15
13	HÀ LAN	531.449	0,98
14	TÂY BAN NHA	514.800	0,95
15	PHILIPPINE	466.430	0,86
16	NEW ZEALAND	388.070	0,71
17	ANGOLA	298.104	0,55
18	CHĐÔMINICA	241.525	0,44
19	PERU	239.170	0,44
20	THỔ NHỊ KỲ	222.290	0,41



21	CANADA	199.915	0,37
22	BA LAN	197.800	0,36
23	THỤY ĐIỂN	192.326	0,35
24	CHI LÊ	185.820	0,34
25	ANH	105.716	0,19
26	THỤY SỸ	64.985	0,12
27	BỈ	55.200	0,10
28	BERMUDA	50.685	0,09
29	NAM PHI	26.005	0,05
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.440.181</b>	<b>100</b>

### Thị phần theo châu lục

Châu lục	Doanh số (USD)	Tỉ trọng (%)
- Châu Á	11.370.590	20,89
- Châu Âu	2.595.585	4,77
- Châu Mỹ	39.057.693	71,74
- Châu Phi	1.028.243	1,89
- Châu Úc	388.070	0,71
<b>Tổng cộng:</b>	<b>54.440.181</b>	<b>100</b>

### Khối lượng theo doanh thu

Tháng	Khối lượng (kg)	Trị giá (USD)
1	1.521.000	3.820.123
2	1.121.000	2.735.138
3	1.488.700	3.633.626
4	1.407.500	3.355.596
5	1.203.590	3.190.916
6	1.515.730	3.864.150
7	2.509.100	5.611.787
8	2.251.670	4.885.634
9	2.321.494	5.230.797
10	2.625.602	5.573.526
11	2.693.000	5.550.546
12	3.362.000	6.988.342
<b>Cộng:</b>	<b>24.020.386</b>	<b>54.440.181</b>

+ Khối lượng tăng: 3.814.881 kg, chiếm tỉ lệ 18,88%.

+ Giá trị tăng: 4.228.692.99 USD, chiếm tỉ lệ 8,42%.

(Khối lượng và giá trị năm 2011 là: 20.205.506 kg và 50.211.488 USD)

**Các loại sản phẩm bán ra**

Sản phẩm	Khối lượng (kg)	Tỉ lệ (%)
- Fillet tạo hình sạch	17.956.331	74,75
- Fillet cá đở	3.064.600	12,76
- Cá nguyên con	2.919.900	11,74
- Cá cắt khúc	179.555	0,75
<b>Tổng cộng:</b>	<b>24.020.386</b>	<b>100</b>

*e/ Cạnh tranh và giá bán*

- Giá cá nguyên liệu luôn biến động và khâu dự báo của công ty cũng như toàn ngành còn thụ động.

- Ngành sản xuất cá tra Việt Nam chưa xác lập được thương hiệu, uy tín về chất lượng sản phẩm trên thị trường thế giới. Các doanh nghiệp vẫn phải sản xuất theo đơn đặt hàng của các công ty thương mại trên thế giới và phải lệ thuộc vào thương hiệu và uy tín của các công ty thương mại tại các nước nhập khẩu.

- Thị trường nhập khẩu thủy sản của thế giới vẫn tiếp tục suy giảm, đặc biệt là thị trường Châu Âu giảm trên 30% do vậy ảnh hưởng nhiều đến giá bán và doanh số xuất khẩu.

- Các rào cản thương mại của các nước nhập khẩu thủy sản ngày càng gay gắt hơn nên hàng hóa của doanh nghiệp xuất khẩu sẽ phải chịu thêm các chi phí như kiểm hàng, các tiêu chuẩn như Global GAP, ASC, BAP, IFS, BRC... sẽ làm tăng chi phí tư vấn, đánh giá, dẫn tới giá thành sản xuất tăng cao giảm sức cạnh tranh sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

- Thị trường xuất khẩu của công ty tương đối rộng, công ty đã gia tăng xuất khẩu được hàng hóa vào thị trường Mỹ, hàng hóa của công ty đã xâm nhập và giành được thị phần đáng kể tại thị trường Trung Quốc. Công ty đã tạo lập được vị trí trong top đầu ngành chế biến xuất khẩu cá tra Việt nam.

- Trước những biến động thuận lợi và bất lợi nêu trên, công ty tiếp tục chế biến hàng xuất khẩu đạt chất lượng, đáp ứng nhu cầu khắc khe từng loại thị trường và có giá bán cạnh tranh hơn. Đồng thời, kiểm soát chi phí sản xuất thật tốt để có mức cạnh tranh đối với sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước, về giá bán được áp dụng đối với từng khách hàng, nhằm phù hợp với tình hình thực tế từng nơi từng lúc.

- Công ty có chính sách giảm giá, trả chậm hoặc ưu đãi khác cho khách hàng có quan hệ kinh doanh lâu dài với công ty. Giá bán được thực hiện với các đối tác dựa trên nguyên tắc đảm bảo giao hàng tận nơi (giá CIF, C&F).

- Với chính sách hợp tác lâu dài trong kinh doanh với các nhà nhập khẩu, công ty chủ động hạ giá bán khi giá nguyên liệu giảm, tăng giá bán khi giá nguyên liệu tăng trên tinh thần các bên cùng thống nhất và có lợi.

*g/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh*

Tình hình xuất khẩu 3 tháng đầu năm 2013:

Tháng	Tổng số đơn hàng đã ký container	Đời từ tháng trước qua	Đơn hàng trong tháng container	Đã xuất container	Trọng lượng tính	Trọng lượng có bằng (tấn)	Doanh số (USD)
-------	----------------------------------	------------------------	--------------------------------	-------------------	------------------	---------------------------	----------------

01/2013	96	88	184	114	2.190	2.691	5.743.000
02/2013	35	70	105	46	1.057	1.271	2.358.762
03/2013	59	59	118	99	1.849	2.253	5.033.961
<b>Cộng:</b>	<b>190</b>	<b>217</b>	<b>407</b>	<b>259</b>	<b>5.096</b>	<b>6.215</b>	<b>13.135.723</b>

## \* Thuận lợi:

- Cá nguyên liệu có thể đáp ứng được các đơn hàng về màu và size.
- Giá cá nguyên liệu tương đối ổn định.
- Công ty vẫn được xuất khẩu vào thị trường Mỹ với thuế 0%.

## \* Khó khăn:

- Tình hình bán hàng từ đầu năm 2013 đến nay rất khó khăn. Khoảng 90% đơn hàng ký mới bán giá không được tốt.
- Hàng tồn kho cỡ 220-up, 280-up và 340-up các màu khó bán hàng.
- Thị trường Ukraina tạm dừng nhập khẩu và thị trường Brazil đang bị vướng về vấn đề nhân mark và hiện tại không xuất hàng được, dự kiến phải qua tháng 5 hoặc tháng 6 mới khắc phục được.
- Thị trường EU chiếm tỉ trọng rất ít: 298.128 USD chiếm 2,27%.
- Thị phần theo doanh thu quý I/2013: Ba thị trường chiếm thị phần cao nhất là: Columbia: 2.802.255 USD chiếm 21,33%, Brazil: 2.701.910 USD chiếm 20,06%, Mỹ: 1.437.048 USD chiếm 10,94%.
- Thị trường tiềm năng: Trung Quốc: 1.743.110 USD chiếm 13,27%, HongKong: 1.120.875 USD chiếm 8,53%, Mexico: 1.414.505 USD chiếm 10,77%.
- Thị trường và khách hàng mới: Canada, Cộng hòa Dominica, Bermuda và có 44 khách hàng mới/180 khách hàng.
- Số lượng đơn hàng còn lại dự kiến xuất trong tháng 4 & 5 là: Brazil: 58 cont, EU: 1 cont, Trung Quốc: 17 cont, Mỹ : 11 cont.

**Xuất khẩu cá tra 3 tháng đầu năm 2013**

STT	THỊ TRƯỜNG	DOANH SỐ (USD)	TỶ TRỌNG (%)
1	COLOMBIA	2.802.255	21,33
2	BRA ZIN	2.701.910	20,06
V 3	MỸ	1.437.048	10,94
4	MÊ XI CÔ	1.414.505	10,77
5	HONGKONG	1.120.875	8,53
6	TRUNG QUỐC	1.743.110	13,27
7	Á RẬP SAUDI	430.750	3,28
8	ẤN ĐỘ	287.220	2,18
9	MALAYSIA	182.930	1,39
10	UCRAINA	136.500	1,04
11	ANGÊRI	313.940	2,39
12	SINGAPORE	104,583	0,79
13	TÂY BAN NHA	249.840	1,90
14	BUNGARIA	48.288	0,37
15	NEW ZEALAND	53.900	0,41
16	CHI LÊ	176.145	1,34
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>13.135.723</b>	<b>100</b>

Với kết quả trên mới đạt 24,1% so với năm 2012 và 16,4% so với kế hoạch (Kế hoạch năm 2013 là 80 triệu USD).



- Về bất động sản thì tiếp tục hoàn thành dự án Khu Trung tâm Thương mại huyện Lấp Vò và dự án Nhà máy Tinh luyện Dầu cá cũng như phát triển vùng nuôi cá nguyên liệu của Xí nghiệp Nuôi trồng Thủy sản IDI . . .

### 3.2 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
1	Vốn chủ sở hữu	538.298.348.645
2	Vốn điều lệ	380.000.000.000
3	Doanh thu thuần	1.666.000.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	83.300.000.000
5	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	5%
6	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	15%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	22%
8	Tỉ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	10%

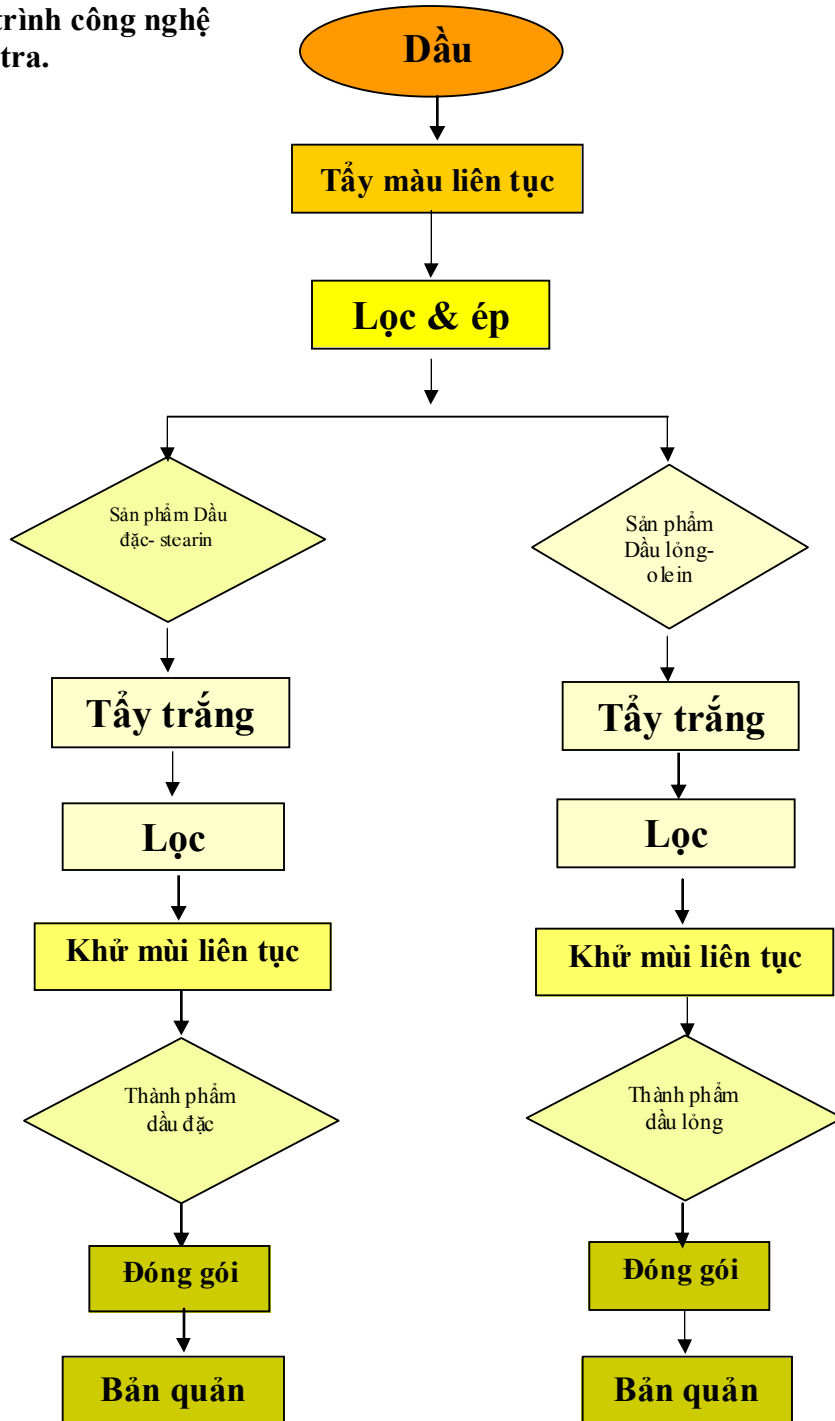


NHÀ MÁY TINH LUYỆN DẦU CÁ



Nhà máy tinh luyện dầu cá (Thực phẩm dinh dưỡng) trong cụm công nghiệp Vàm Cống

Sơ đồ quy trình công nghệ  
lọc dầu cá tra.







NHÀ MÁY TÍNH LUYỆN DẦU CÁ ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN HOÀN THÀNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2012  
KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



Được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail: [infor@ascs.com.vn](mailto:infor@ascs.com.vn) Website: [www.ascs.com.vn](http://www.ascs.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

---

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	04 - 04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

130501  
CỘNG  
HÒA  
KIỂM  
TOÁN  
TRÁCH NHIỆM  
CHÍNH  
VÀ KIỂM  
PHÍA  
TP.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

### Lĩnh vực Kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.  
Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

### QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	68.000.000.000 VNĐ	45,33%
Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	11.319.500.000 VNĐ	20,00%
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	30.000.000.000 VNĐ	25,00%

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính	
Năm 2012	36.589.044.556 VNĐ
Năm 2011	39.609.103.424 VNĐ

Lợi nhuận chưa phân phối	
Tại ngày 31/12/2012	124.288.173.923 VNĐ
Tại ngày 31/12/2011	127.303.298.055 VNĐ

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI**  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính**  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông Lê Văn Chung	Thành viên
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Văn San	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Nguyễn Văn San	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Chung	P.Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hoài Ân	Giám đốc Tài chính
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2012 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính**  
kết thúc tại ngày 31/12/2012

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch

Lê Thanh Thuận

Thay mặt Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947-Fax: (08) 3.8205 942  
Email: info@aascs.com.vn - Website: www.aascs.com.vn

Số 204/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ.0064/KTV

Kiểm toán viên

**Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**

Chứng chỉ KTV số: 1091/KTV

THÀNH VIÊN HẠNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI



MEMBER FIRM OF JCA - EXCELLENCE



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.80, CCN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>934.501.980.083</b>	<b>915.166.966.024</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01.</b>	<b>21.363.629.685</b>	<b>152.636.356.786</b>
1. Tiền	111		11.363.629.685	67.940.532.301
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	84.695.824.485
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02.</b>		<b>52.903.927.784</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			53.168.839.143
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			(264.911.359)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>478.786.032.634</b>	<b>467.194.849.662</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>V.03.</b>	399.649.597.430	325.932.859.250
2. Trả trước cho người bán	132		32.897.281.998	28.503.780.980
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.04.</b>	74.629.254.019	132.637.961.308
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(28.390.100.813)	(19.879.751.876)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>423.278.525.981</b>	<b>237.524.182.550</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.05.</b>	423.278.525.981	237.524.182.550
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.073.791.783</b>	<b>4.907.649.242</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.308.689.264	569.420.617
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		731.438.085	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.06.</b>	9.033.664.434	4.338.228.625



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>533.851.465.066</b>	<b>548.142.071.555</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>419.899.674.640</b>	<b>431.738.971.137</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07.	306.487.141.527	302.627.335.735
- Nguyên giá	222		363.071.807.791	334.679.823.478
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.584.666.264)	(32.052.487.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08.	6.173.127.192	7.138.983.696
- Nguyên giá	225		10.120.565.166	10.078.565.166
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3.947.437.974)	(2.939.581.470)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09.	66.757.304.746	56.671.348.576
- Nguyên giá	228		66.797.846.018	56.681.716.106
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40.541.272)	(10.367.530)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10.	40.482.101.175	65.301.303.130
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11.	<b>103.795.019.815</b>	<b>104.848.259.681</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		109.319.500.000	109.219.500.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(5.524.480.185)	(4.371.240.319)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.156.770.611</b>	<b>11.554.840.737</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	1.116.968.459	2.019.890.737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		9.039.802.152	9.534.950.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.468.353.445.149</b>	<b>1.463.309.037.579</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>930.055.096.504</b>	<b>917.380.398.589</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>839.321.108.380</b>	<b>851.035.604.922</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13.	574.310.683.778	645.158.420.819
2. Phải trả người bán	312		205.417.791.302	135.460.172.880
3. Người mua trả tiền trước	313		26.207.686.231	17.821.479.295
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14.	7.369.905.104	4.316.943.595
5. Phải trả người lao động	315		12.226.406.428	5.226.226.706
6. Chi phí phải trả	316			2.657.731.004
7. Phải trả nội bộ	317			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	10.310.761.371	33.967.201.058
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.477.874.166	6.427.429.565
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>90.733.988.124</b>	<b>66.344.793.667</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	90.332.395.574	66.344.793.667
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		401.592.550	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>538.298.348.645</b>	<b>545.928.638.990</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17.	<b>538.298.348.645</b>	<b>545.928.638.990</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.668.800.000	17.668.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			5.684.612.005
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.170.687.361	7.635.964.465
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.170.687.361	7.635.964.465
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		124.288.173.923	127.303.298.055
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.468.353.445.149</b>	<b>1.463.309.037.579</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính**  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		263.328,42	168.768,31
- Nhân dân tệ (NDT)		8.060,00	
- Euro (EUR)		1.943,81	889,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu



Trần Phước Minh

Kế toán trưởng



Lê Xuân Định

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Trưởng Giám Đốc



Nguyễn Văn Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18.	1.349.993.713.576	1.102.365.865.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.19.	18.836.334.600	4.892.700.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.20.	1.331.157.378.976	1.097.473.165.478
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21.	1.118.284.883.922	878.971.227.088
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		212.872.495.054	218.501.938.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22.	10.620.431.292	42.305.640.587
7. Chi phí tài chính	22	V.23.	76.264.633.342	115.307.898.424
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.357.941.421	83.744.528.997
8. Chi phí bán hàng	24		95.103.219.935	71.132.378.359
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.198.606.884	33.626.624.274
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.926.466.185	40.740.677.920
11. Thu nhập khác	31		4.495.075.701	5.953.996.930
12. Chi phí khác	32		2.655.968.122	4.590.954.828
13. Lợi nhuận khác	40		1.839.107.579	1.363.042.102
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.765.573.764	42.103.720.022
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	(5.225.063.342)	2.494.616.598
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		401.592.550	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.589.044.556	39.609.103.424
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.25	963	1.042

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Phước Minh



Lê Xuân Định



Nguyễn Văn San



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)


Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		1.579.833.985.539	1.213.069.200.570
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.380.271.918.079)	(1.214.752.708.248)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(78.862.065.553)	(56.126.507.679)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(68.265.462.576)	(85.274.257.883)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(4.083.033.914)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.127.983.288.808	3.459.635.566.268
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.165.476.937.506)	(3.264.107.073.670)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.940.890.633</b>	<b>48.361.185.444</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(61.854.342.000)	(6.988.836.850)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		805.143.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	25		(100.000.000)	(63.020.889.276)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.117.701.800	562.822.380
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(60.031.497.200)</b>	<b>(69.446.903.746)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.415.909.405.660	1.602.083.655.199
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.462.769.540.794)	(1.478.184.428.142)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.019.411.067)	(997.210.520)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.327.300.000)	(250.267.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(86.206.846.201)</b>	<b>122.651.749.037</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(131.297.452.768)</b>	<b>101.566.030.735</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>152.636.356.786</b>	<b>51.070.326.051</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.725.667	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>21.363.629.685</b>	<b>152.636.356.786</b>



Người lập biểu

  
 Trần Phước Minh

Kế toán trưởng

  
 Lê Xuân Định

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám Đốc

  
 Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

### II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, Ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng đô la Mỹ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

	US dollar	EUR
Tỷ giá bình quân các ngân hàng tại 31.12.2012	20.821	27.384

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

#### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2012

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 2L.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TIỀN</b>		11.363.629.685	67.940.532.301
<b>a. Tiền mặt</b>		562.258.080	273.901.035
- Tiền mặt VND		298.722.243	131.314.348
- Tiền mặt ngoại tệ		263.535.837	142.586.687
<b>b. Tiền gửi ngân hàng</b>		10.801.371.604	67.666.631.266
- Tiền gửi VND		5.501.509.831	64.563.088.842
- Tiền gửi USD	254.269,43	5.294.143.720	3.097.841.992
- Tiền gửi EUR	208,81	5.718.053	5.700.432
<b>c. Tiền đang chuyển</b>			
<b>CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		10.000.000.000	84.695.824.485
Tiền gửi có kỳ hạn		10.000.000.000	84.695.824.485
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - An Giang		10.000.000.000	21.000.000.000
- Ngân hàng Công thương CNI - TP. HCM			63.695.824.485
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<u>21.363.629.685</u>	<u>152.636.356.786</u>

#### 02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>2.1. Đầu tư ngắn hạn</b>				53.168.839.143
<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>			982.380	22.171.985.359
- Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang			982.380	22.171.985.359
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>				30.996.853.784
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Vietinbank - CN TP.HCM				30.996.853.784
<b>2.2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>				(264.911.359)
- Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ASM				(264.911.359)
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				<u>52.903.927.784</u>

#### 03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Gốc ngoại tệ USD	Số cuối năm	Số đầu năm
		116.732.332.440	79.946.603.449
Phải thu khách hàng trong nước		116.732.332.440	79.946.603.449
Phải thu khách hàng nước ngoài	2.810.301,40	58.513.285.449	70.647.177.036
Phải thu khách hàng nước ngoài xuất khẩu uỷ thác	10.777.771,46	224.403.979.541	175.339.078.765
<b>Cộng phải thu khách hàng</b>		<u>399.649.597.430</u>	<u>325.932.859.250</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, Ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### 04. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	11.667.223	
- Phải thu về cổ phần khác		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu khác	74.617.586.796	132.637.961.308
+ Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	9.151.111.330	12.923.143.400
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	4.196.705.222	25.011.372.222
+ Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	7.104.238.544	38.927.004.111
+ Công ty CP ĐTTTC và truyền thông Quốc Tế	1.250.000.000	9.697.593.000
+ Công ty CP ĐT địa ốc & khoáng sản Châu Á	14.470.000	14.470.000
+ Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò	52.609.431.900	45.835.763.500
+ Đối tượng khác	291.629.800	228.615.075

Cộng phải thu ngắn hạn khác

74.629.254.019 132.637.961.308

### 05. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	2.610.000	835.979.530
- Nguyên liệu, vật liệu	7.291.409.068	2.725.088.100
- Công cụ, dụng cụ	403.722.687	387.192.970
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	168.907.432.883	72.197.436.164
- Thành phẩm	137.330.470.699	147.303.832.300
- Hàng hóa	108.958.509.121	11.809.500.000
- Hàng gửi đi bán	384.371.523	2.265.153.486

Cộng giá gốc hàng tồn kho

423.278.525.981 237.524.182.550

### 06. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	91.385.928	91.385.928
- Tạm ứng	4.697.997.609	4.246.842.697
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.244.280.897	
+ NH TMCP Sài Gòn Hà Nội CN An Giang	203.846,00	4.244.280.897
		2.912.615.501

Cộng tài sản ngắn hạn khác

9.033.664.434 4.338.228.625

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.89, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.L.áp Vò, T. Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH		Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	88.074.653.536	237.536.885.992	4.882.129.959	1.502.035.839	2.684.118.152	334.679.823.478
Số tăng trong kỳ	14.000.000	29.240.517.937		44.090.909	78.435.354	29.377.044.200
- Mua trong kỳ		29.240.517.937		44.090.909	78.435.354	29.363.044.200
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác	14.000.000					14.000.000
Số giảm trong kỳ		840.978.978		144.080.909		985.059.887
Bao gồm:						
- Thanh lý		840.978.978		144.080.909		
- Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối kỳ	88.088.653.536	265.936.424.951	4.882.129.959	1.402.045.839	2.762.553.506	363.071.807.791
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.560.996.746	27.259.107.250	1.954.020.398	568.796.848	709.566.501	32.052.487.743
Số tăng trong kỳ	2.355.329.076	21.171.423.012	576.808.716	263.974.797	482.241.914	24.849.777.515
- Khấu hao trong kỳ	2.355.329.076	21.171.423.012	576.808.716	263.974.797	482.241.914	24.849.777.515
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ		211.990.436		105.608.558		317.598.994
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		211.990.436		105.608.558		317.598.994
Số dư cuối kỳ	3.916.325.822	48.218.539.826	2.530.829.114	727.163.087	1.191.808.415	56.584.666.264
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	86.513.656.790	210.277.778.742	2.928.109.561	933.238.991	1.974.551.651	302.627.335.735
Tại ngày cuối kỳ	84.172.327.714	217.717.885.125	2.351.300.845	674.882.752	1.570.745.091	306.487.141.527



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

**08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ			10.078.565.166			10.078.565.166	
Số tăng trong kỳ			42.000.000			42.000.000	
- Mua trong kỳ			42.000.000			42.000.000	
- Tăng khác							
Số giảm trong kỳ							
Bao gồm:							
- Thanh lý							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ			10.120.565.166			10.120.565.166	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ			2.939.581.470			2.939.581.470	
Số tăng trong kỳ			1.007.856.504			1.007.856.504	
- Khấu hao trong kỳ			1.007.856.504			1.007.856.504	
- Tăng khác							
Số giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BDS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ			3.947.437.974			3.947.437.974	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ			7.138.983.696			7.138.983.696	
Tại ngày cuối kỳ			6.173.127.192			6.173.127.192	



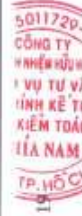
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thuận, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

**09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	56.681.716.106				56.681.716.106
Số tăng trong kỳ	10.052.629.912		63.500.000		10.116.129.912
- Mua trong kỳ	10.052.629.912		63.500.000		10.116.129.912
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	66.734.346.018		63.500.000		66.797.846.018
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	10.367.530				10.367.530
Số tăng trong kỳ	24.882.072		5.291.670		30.173.742
- Khấu hao trong kỳ	24.882.072		5.291.670		30.173.742
- Tặng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	35.249.602		5.291.670		40.541.272
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	56.671.348.576				56.671.348.576
Tại ngày cuối kỳ	66.699.096.416		58.208.330		66.757.304.746





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản dở dang:	40.450.601.177	45.269.803.132
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	25.730.006.490	25.317.881.400
+ Hạ tầng khu tái định cư		8.427.457.269
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	
+ Nhà máy đông lạnh	5.613.986.211	9.642.248.611
+ Nhà Điều hành Cty IDI		36.785.780
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò	1.390.884.617	1.390.884.617
+ Đất khu tái định cư	7.170.860.222	
- Mua sắm tài sản cố định	31.499.998	20.031.499.998
<b>Cộng Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>40.482.101.175</b>	<b>65.301.303.130</b>

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư và công ty con</b>			
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>109.319.500.000</b>	<b>109.219.500.000</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33	68.000.000.000	68.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	20%	11.319.500.000	11.219.500.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	25%	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(5.524.480.185)</b>	<b>(4.371.240.319)</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản		(2.580.864.576)	(2.580.864.576)
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á		(2.868.975.809)	(1.790.375.743)
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính		(74.639.800)	
<b>Cộng</b>		<b>103.795.019.815</b>	<b>104.848.259.681</b>

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ bộ phận sản xuất	1.100.812.529	2.003.734.807
- Công cụ dụng cụ khác	16.155.930	16.155.930
<b>Cộng chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.116.968.459</b>	<b>2.019.890.737</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Gốc USD</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn		574.310.683.778	645.158.420.819
Vay ngân hàng		574.310.683.778	645.158.420.819
+Tiền việt Nam		185.338.945.615	416.401.181.910
+ Gốc ngoại tệ USD	18.681.703	388.971.738.163	228.757.238.909
- Nợ dài hạn đến hạn trả			
<b>Cộng Vay và nợ ngắn hạn</b>		<b>574.310.683.778</b>	<b>645.158.420.819</b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	11.310.659.252	3.489.537.764
- Thuế xuất, nhập khẩu	94.798.642	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.278.538.522)	710.346.571
- Thuế thu nhập cá nhân	156.629.460	117.059.260
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	34.662.372	
- Thuế tài nguyên	9.126.000	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.567.900	
<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>7.369.905.104</b>	<b>4.316.943.595</b>

### 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	154.582.518	120.970.593
- Kinh phí công đoàn	174.806.280	75.618.142
- Bảo hiểm xã hội	139.276.000	(38.891.680)
- Bảo hiểm y tế	27.000.000	67.913.303
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.914.000	30.183.690
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.453.861.480	7.785.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.349.321.093	25.926.407.010
+ Cổ tức phải trả	1.060.050.000	387.350.000
+ Công ty CP CK Tân Việt	-	10.970.188.234
+ Công ty CP ĐT & XD Sao Mai tỉnh An Giang	220.184.025	
+ Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	457.600	
+ Phải trả khác	2.068.629.468	14.568.868.776
<b>Cộng</b>	<b>10.310.761.371</b>	<b>33.967.201.058</b>

### 16. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	40.009.794.674	65.064.281.854
Nợ dài hạn	50.322.600.900	1.280.511.813
- Cty Thuế Tài chính Ngân hàng Vietcombank Tp.HCM		1.280.511.813
- Cty Thuế Tài chính Ngân hàng Á Châu	50.322.600.900	
<b>Cộng</b>	<b>90.332.395.574</b>	<b>66.344.793.667</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### V.17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>3.145.403.445</b>	<b>3.053.860.660</b>	<b>3.053.860.660</b>	<b>101.440.506.046</b>	<b>508.362.430.811</b>
Lãi trong năm trước						39.609.103.424	39.609.103.424
Chia cổ tức							
Trích lập các quỹ							
Thu lao HDQT				4.582.103.805	4.582.103.805	(13.746.311.415)	(4.582.103.805)
Tặng khác			5.684.612.005				5.684.612.005
Giảm khác			(3.145.403.445)				(3.145.403.445)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>5.684.612.005</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>127.303.298.055</b>	<b>545.928.638.990</b>
Lãi trong kỳ						36.589.044.556	36.589.044.556
Chia cổ tức năm 2011 (*)						(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
Trích lập các quỹ				534.722.896	534.722.896	(1.604.168.688)	(534.722.896)
Tặng khác (**)			58.234.605				58.234.605
Giảm khác			(5.742.846.610)				(5.742.846.610)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.170.687.361</b>	<b>8.170.687.361</b>	<b>124.288.173.923</b>	<b>538.298.348.645</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-DHCD/2012 ngày 19 tháng 05 năm 2012 Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	%	<u>Số đầu năm</u>	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	380.000.000.000	100%	380.000.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b>100%</b>	<b><u>380.000.000.000</u></b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu kỳ	380.000.000.000	380.000.000.000
+Vốn góp tăng trong kỳ	-	
+Vốn góp giảm trong kỳ	-	
+Vốn góp cuối năm	380.000.000.000	380.000.000.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	38.000.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I  
QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### V.17. e) Các quỹ của công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính

Cộng các quỹ công ty:

Số cuối năm	Số đầu năm
8.170.687.361	7.635.964.465
8.170.687.361	7.635.964.465
<b>16.341.374.722</b>	<b>15.271.928.930</b>

### V.18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu bất động sản đầu tư
- Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng

Cộng doanh thu:

Năm nay	Năm trước
1.286.898.176.964	1.056.109.923.617
52.334.260.841	33.622.986.599
3.873.923.953	5.512.050.500
6.887.351.818	7.120.904.762
<b>1.349.993.713.576</b>	<b>1.102.365.865.478</b>

### V.19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng các khoản giảm trừ doanh thu:

Năm nay	Năm trước
16.450.629.000	
2.385.705.600	4.892.700.000
<b>18.836.334.600</b>	<b>4.892.700.000</b>

### V.20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ
- Doanh thu thuần bất động sản đầu tư
- Doanh thu thuần từ đầu tư xây dựng hạ tầng

Cộng doanh thu thuần:

Năm nay	Năm trước
1.269.433.142.364	1.056.109.923.617
52.334.260.841	33.622.986.599
2.502.623.953	619.350.500
6.887.351.818	7.120.904.762
<b>1.331.157.378.976</b>	<b>1.097.473.165.478</b>

### V.21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm
- Giá vốn cung cấp dịch vụ
- Giá vốn bất động sản đầu tư
- Giá vốn từ đầu tư xây dựng hạ tầng

Cộng giá vốn hàng bán:

Năm nay	Năm trước
1.053.563.294.491	869.936.404.179
52.386.684.405	1.915.918.147
3.907.447.757	
8.427.457.269	7.118.904.762
<b>1.118.284.883.922</b>	<b>878.971.227.088</b>

### V.22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng doanh thu hoạt động tài chính:

Năm nay	Năm trước
1.117.701.800	3.271.253.466
3.035.434.846	36.567.081.853
5.623.129.575	
570.850.667	343.388.953
273.314.404	2.123.916.315
<b>10.620.431.292</b>	<b>42.305.640.587</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA L.D.I  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**V.23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	63.713.073.590	83.744.528.997
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.896.865.333	21.245.022.200
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	144.584.658	
- Lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.153.239.866	
- Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	8.356.869.895	4.371.240.319
- Chi phí tài chính khác		5.947.106.908
<b>Cộng chi phí hoạt động tài chính:</b>	<b>76.264.633.342</b>	<b>115.307.898.424</b>

**V.24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.430.357.357	2.494.616.598
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (*)	(6.655.420.699)	
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:</b>	<b>(5.225.063.342)</b>	<b>2.494.616.598</b>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009, 2010 giảm do áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo công văn 1310/CT-TT&HT ngày 26/10/2011 của Cục Thuế Tỉnh Đồng Tháp.

**V.25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	36.589.044.556	39.609.103.424
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>963</b>	<b>1.042</b>

**V.26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	962.526.335.505	789.578.541.813
Chi phí nhân công	74.812.093.614	50.024.340.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.892.476.906	15.161.435.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.272.374.996	13.079.930.286
Chi phí khác bằng tiền	4.328.743.496	4.346.464.599
<b>Cộng</b>	<b>1.082.832.024.517</b>	<b>872.190.713.368</b>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ V.5 đến V.8 dưới đây.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ  
 QL.80, CCN Vàm Cống, ấp An Thuận, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### 2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Năm 2012

Thu nhập của các thành viên chủ chốt 1.908.000.000 VND

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Công ty góp vốn
Cty CPĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Cty CPĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Công ty liên kết
Cty CPĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Công ty liên kết

#### 2.2 Thông tin về các bên liên quan

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Bán cả thành phẩm	613.597.149.364
	- Nhận ủy thác xuất khẩu	93.600.000.000
	- Mua thức ăn thủy sản	127.022.635.655
	- Trả tiền xây dựng	38.911.423.553
	- Bán cả thành phẩm	866.815.049.580
	- Dịch vụ uỷ thác xuất	123.505.600.472
Công ty CPĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	- Góp vốn	100.000.000
	- Trả tiền san lấp mặt bằng xây dựng	18.539.589
Công ty CPĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Nhận ủy thác xuất khẩu	164.287.000.214
	- Bán phụ phẩm cá tra	182.316.298.207
	- Điều chuyển vốn lưu động	301.855.132.992
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	- Dịch vụ đo đạc khảo sát địa hình	99.350.000

Cho đến ngày 31/12/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu VND
Cty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Phải thu tiền bán cả thành phẩm	92.445.878.743
	Phải thu tiền cho vay	48.629.450
	Phải thu chi hộ phí hoa hồng	9.039.009.260
	Phải thu khác	29.800.120
	Phải thu tiền bảo hiểm	33.672.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND
		Các khoản phải thu VND
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Phải thu tiền bán phụ phẩm	6.465.777.992
	Phải thu tiền bán phụ phẩm	21.104.007.018
	Phải thu tiền cho mượn	6.627.004.111
	Phải thu khác	1.033.455
	Phải thu chi hệ phí hoa hồng	476.200.978
	Ứng trước ủy thác xuất khẩu	13.973.007.076
Cty CP ĐTTC và Truyền thông Quốc tế	Phải thu tiền cho mượn	1.250.000.000
	Phải thu khác	
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Phải thu tiền cho mượn	4.011.372.222
	Phải thu khác	29.800.120
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Phải thu khác	14.470.000
	Phải thu tiền bảo hiểm	1.830.000
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Cty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Phải trả phải nộp khác	220.184.025
	Phải trả người bán	12.621.768
	Phải trả người bán	10.862.809.100
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Phải trả phải nộp khác	457.500
	Phải trả người bán	297.632
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Phải trả người bán	99.350.000

### 3. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

### 4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL. 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Chánh, H. Lập Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 5. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.363.629.685	152.636.356.786	21.363.629.685	152.636.356.786
Phải thu khách hàng	371.259.496.617	306.053.107.374	371.259.496.617	306.053.107.374
Các khoản phải thu khác	83.662.918.453	136.976.189.933	83.662.918.453	136.976.189.933
<b>Cộng</b>	<b>476.286.044.755</b>	<b>595.665.654.093</b>	<b>476.286.044.755</b>	<b>595.665.654.093</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	664.643.079.352	711.503.214.486	664.643.079.352	711.503.214.486
Phải trả cho người bán	205.417.791.302	135.460.172.880	205.417.791.302	135.460.172.880
Chi phí phải trả	-	2.657.731.004	-	2.657.731.004
Các khoản phải trả khác	10.310.761.371	33.967.201.058	10.310.761.371	33.967.201.058
<b>Cộng</b>	<b>880.371.632.025</b>	<b>883.588.319.428</b>	<b>880.371.632.025</b>	<b>883.588.319.428</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

### 6. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 7. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI  
 QL.80, CCN Văn Công, Ấp An Thanh, Xã Bình Thành, Huyện Lập Võ, Tỉnh Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc tại ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	574.310.683.778	90.332.395.574		664.643.079.352
Phải trả cho người bán	205.417.791.302			205.417.791.302
Chi phí phải trả				-
Các khoản phải trả khác	10.310.761.371			10.310.761.371
<b>Cộng</b>	<b>790.039.236.451</b>	<b>90.332.395.574</b>	<b>-</b>	<b>880.371.632.025</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**8. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Người lập biểu



Trần Phước Minh

Kế toán trưởng



Lê Xuân Định

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

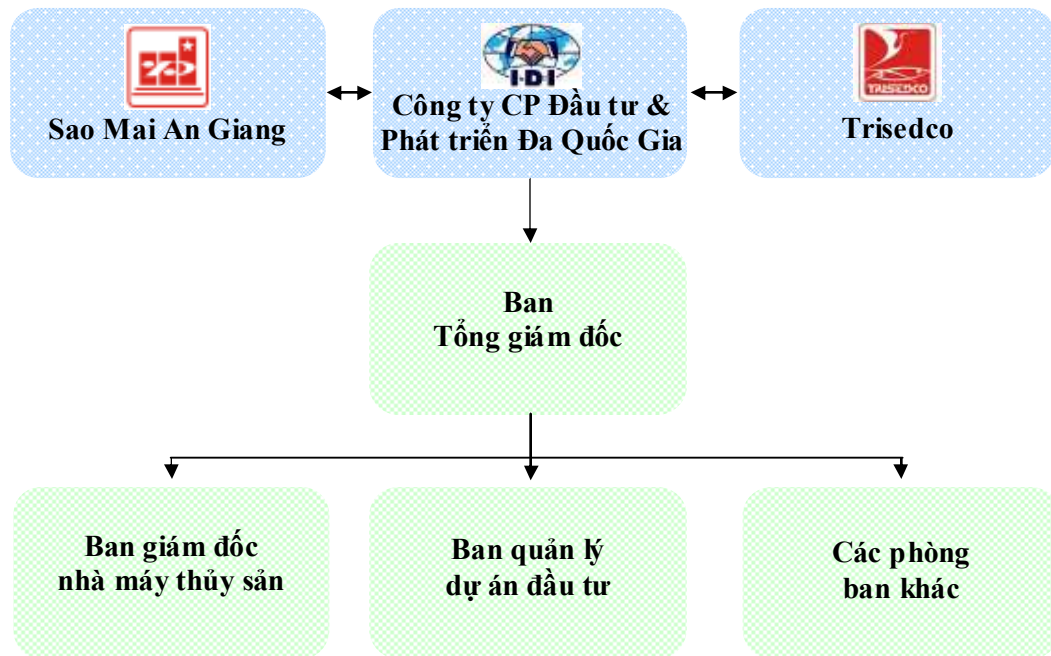


Nguyễn Văn Sơn

## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY

### I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC

#### CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



#### CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC

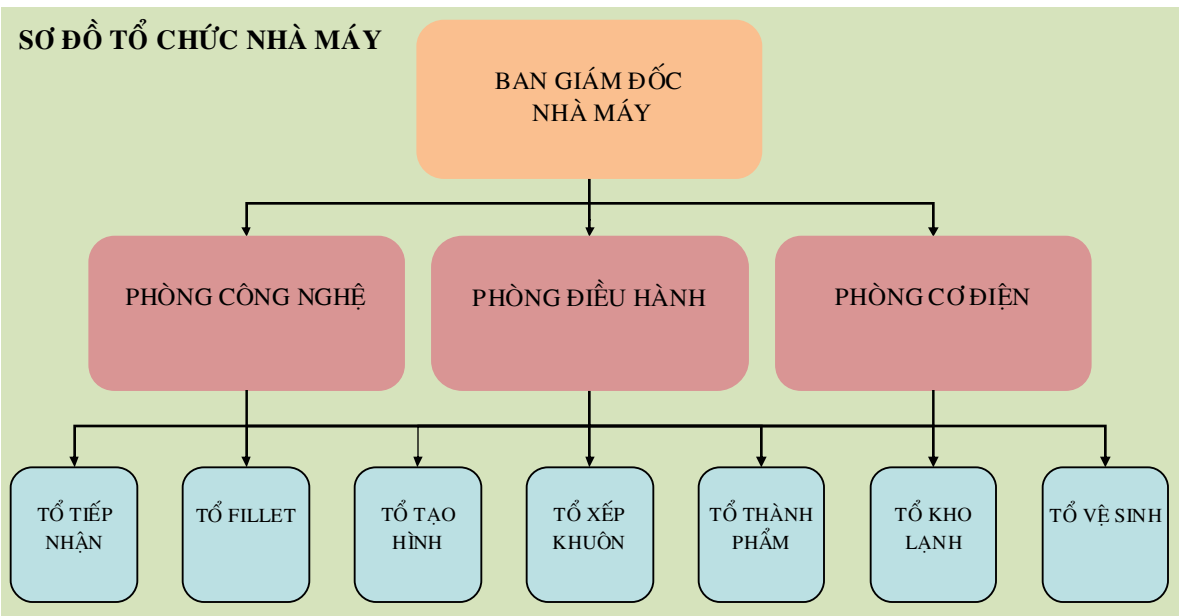
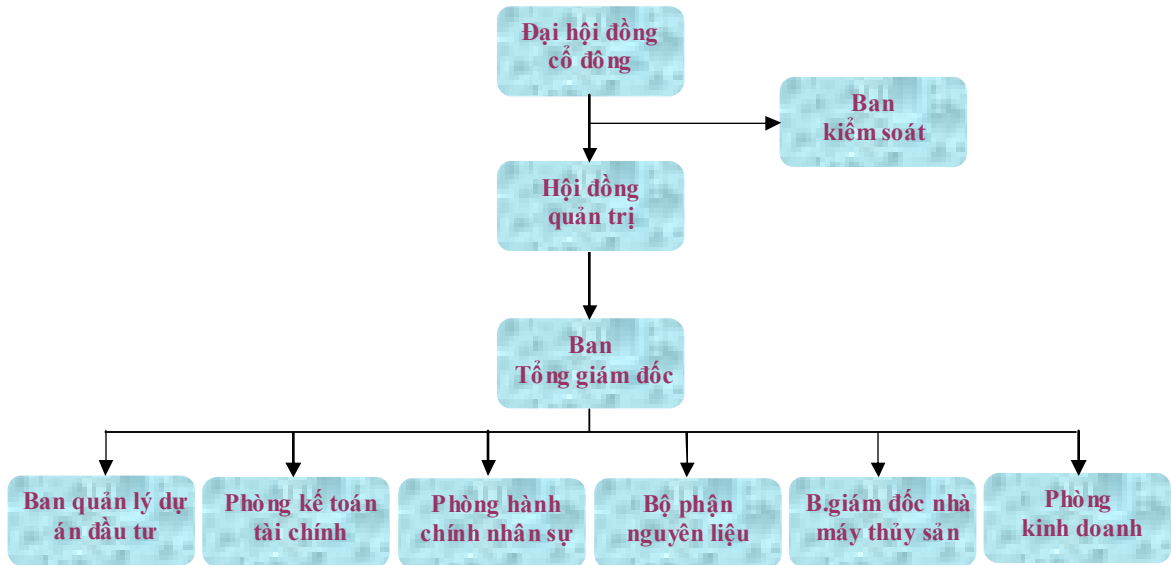
Ban tổng giám đốc điều hành chung. Ban giám đốc nhà máy thủy sản, ban quản lý dự án đầu tư và các phòng ban khác điều hành trực tiếp sản xuất. Cụ thể như sau:

- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án bất động sản tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng trực tiếp phụ trách quản lý.



TOÀN CẢNH CỤM CÔNG NGHIỆP VÀM CỐNG NHÌN TỪ SÔNG

**BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY**



a) Hội đồng quản trị

- HĐQT được ĐHCĐ bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.

- HĐQT công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm:

- Ông Lê Thanh Thuận            Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Văn Hưng        Phó chủ tịch.
- Ông Lê Văn Chung            Thành viên.
- Ông Lê Xuân Quế              Thành viên.
- Ông Trương Vĩnh Thành      Thành viên.
- Ông Quách Mạnh Hào        Thành viên.
- Ông Nguyễn Văn San         Thành viên.



a) Ban kiểm soát

- Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

- BKS công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm:

- o Ông Trương Công Khánh      Trưởng ban.
- o Bà Nguyễn Thị Hương      Ủy viên.
- o Bà Lê Ngọc An              Ủy viên.

b) Ban tổng giám đốc

- Ban giám đốc có 06 thành viên gồm 01 Tổng giám đốc và 03 Phó tổng giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là bộ phận tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban tổng giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

- Ban tổng giám đốc gồm có:

- o Ông Nguyễn Văn Sơn      Tổng Giám đốc.
- o Ông Lê Văn Chung      Phó Tổng Giám đốc.
- o Ông Lê Văn Cảnh      Phó Tổng Giám đốc.
- o Ông Phạm Đình Nam      Phó Tổng Giám đốc.
- o Ông Đinh Hoài Ân      Giám đốc tài chính.
- o Ông Lê Xuân Định      Kế toán trưởng.

c) Phòng kế toán tài chính

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư, quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Phân tích và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư. Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo chuẩn mực kế toán hiện hành, thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ với khách hàng.

d) Phòng hành chính nhân sự

Phụ trách các hoạt động lễ tân, tiếp khách, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự. Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

e) Xí nghiệp phát triển nguyên liệu:

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch.

f) Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, triển khai các phương án mở rộng thị trường. Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu.

**II/ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH****2.1 Hội đồng quản trị**

a) Ông Lê Thanh Thuấn – Chủ tịch HĐQT

- CMND số : 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/3/1958
- Địa chỉ thường trú : 326.Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu : 4.927.117 cp, chiếm 12.96% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	23.000	0,06
Lê Văn Thông	Anh	172321457	12.000	0,03
Lê Văn Thủy	Em	351627326	84.375	0,22
Lê Văn Chung	Em	351393479	442.174	1,16
Lê Văn Thành	Em	351400599	178.185	0,47
Lê Thị Thiên Trang	Con	351916791	300.000	0,79
Võ Thị Thanh Tâm	Vợ	351343354	100.000	0,26
Lê Thị Nguyệt Thu	Con	351592182	211.200	0,56

b) Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó chủ tịch HĐQT

- CMND số : 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/05/1954
- Địa chỉ thường trú : 49/30 Khúc Thừa Dụ, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: 483.480 cổ phần, chiếm 1.27% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Nguyễn Thị Phước	Chị	340215292	Không	
Nguyễn Văn Dũng	Em	340537623	Không	
Nguyễn Thị Thủy	Em	340660504	Không	
Nguyễn Thị Hồng	Em	340200355	Không	

## c) Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT

- CMND số : 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/05/1968
- Địa chỉ thường trú : 647B/33. Tôn Thất Thuyết, TP.Long Xuyên, An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu : 376.760 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

## d) Ông Lê Văn Chung - Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc

- CMND số : 351393479 cấp ngày 03/09/1996 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1964
- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu : 442.174 cổ phần, chiếm 1,164% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ(%)
Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	23.000	0,06
Lê Văn Thông	Anh	172321457	12.000	0,03
Lê Thanh Thuận	Anh	350006170	4.927.117	12,97
Lê Văn Thùy	Anh	351627326	84.375	0,22
Lê Văn Thành	Em	351400599	178.185	0,47

## e) Ông Quách Mạnh Hào – Thành viên HĐQT.

- CMND số : 012159661 cấp ngày 01/08/1998 tại CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/03/1976
- Địa chỉ thường trú : P.501 – Đ 12 – TT Nam Đồng – Đống Đa – Hà Nội
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

## f) Ông Nguyễn Văn San – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

- CMND số : 361902934 cấp ngày 18/03/2013 tại CA Cần Thơ
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/11/1964
- Địa chỉ : Lô 48. Khu DC 91/23, đường 30/4, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

## g) Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT.

- CMND số : 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 07/7/1977
- Địa chỉ thường trú: Số 83.Lô E1, Khu ĐT Sao Mai, TP.Long Xuyên, An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: 14.700 cổ phần, chiếm 0.039% vốn điều lệ.

**2.2 Ban Tổng giám đốc**

- a) Ông Nguyễn Văn San – Tổng Giám đốc.  
 b) Ông Lê Văn Chung – Phó Tổng Giám đốc.  
 c) Ông Phạm Đình Nam – Phó Tổng Giám đốc.

- Số CMND số : 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/02/1969
- Địa chỉ thường trú : 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý–TP.Long xuyên –AG
- Số lượng cổ phần sở hữu: 153.500 cổ phần, chiếm 0,4% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Huỳnh Thị Lộc	Vợ	340908037	32.000	0,08
Phạm Thị Na	Chị	172277955	Không	
Phạm Đình Hùng	Anh	172252637	Không	

- d) Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng Giám đốc.

- Số CMND : 352272634 Cấp ngày 11/8 /2010 tại CA An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/09/1975
- Địa chỉ thường trú : 46G1. Lê Hoàng, P.Bình Khánh –TP.Long xuyên – AG.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 6.400 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)
Lê Hồng Phong	Ba (mất)		
Lê Thị Thái	Mẹ	172802299	Không
Lý Thị Kim Hoa	Vợ	351485813	Không
Lê Văn Tình	Em	172321862	Không
Lê Văn Quyền	Em	172949720	Không

- e) Ông Đinh Hoài Ân – Giám đốc Tài chính

- CMND số : 351156439 cấp ngày 17/11/2005 tại An Giang.
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 1973.
- Địa chỉ thường trú : Số 209, Lầu 01, Khu B, C/cư Cồn Phó Quế, đường Điện Biên Phủ, TP.Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

- f) Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng.

- CMND số : 172620734 cấp ngày 10/04/2003 tại CA Thanh Hóa.
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 04/03/1985
- Địa chỉ thường trú : Số 333. Ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.



**2.3 Ban kiểm soát**

- a) Ông Trương Công Khánh – Trưởng ban.
- CMND số : 341365203 cấp ngày 23/8/2008 tại CA Đồng Tháp.
  - Giới tính : Nam
  - Ngày sinh : 13/3/1987
  - Địa chỉ thường trú : Ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.
  - Số lượng cổ phần sở hữu : Không có
- b) Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên.
- CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày sinh : 1984
  - Địa chỉ thường trú : Số 34D3. Lý Bôn, P.Bình Khánh-TP.Long Xuyên,AG.
  - Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.
- c) Bà Lê Thị Ngọc An – Ủy viên.
- CMND số : 172341816 cấp ngày 24/10/2002 tại CA Thanh Hóa
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày sinh : 05/10/1986
  - Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
  - Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

**III/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM**

- Không có thay đổi.

**IV/ NGUỒN NHÂN LỰC****4.1 Lực lượng lao động**

- Năm 2012, công ty đã thực hiện tuyển dụng và đào tạo được nhiều kỹ sư, cử nhân giỏi và công nhân có tay nghề cao từ 1.500 người đến 2.230 người để bổ sung cho nhà máy tinh luyện dầu cá và phân xưởng chế biến cá tra giai đoạn 3. Nguồn nhân lực này đã giúp công ty phát triển được bền vững.

- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh, hai nhà để xe, hỗ trợ chi phí qua phà, hỗ trợ xe về nghỉ tết âm lịch, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của công ty để mọi người an tâm làm việc.

**BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG**

Stt	Trình độ học vấn	Số lao động
1	Đại học và trên đại học	98
2	Cao đẳng	25
3	Trung cấp và kỹ thuật viên	55
4	Dưới trung cấp	40
5	Công nhân phổ thông	1.865
<b>Tổng cộng:</b>		<b>2.083</b>

## 4.2 Chính sách đối với người lao động

- Năm 2012, công ty tuyển dụng hơn 700 công nhân và liên kết với Trung tâm dạy nghề đào tạo sơ cấp cho 1.500 lao động. Đây là lực lượng lao động tương đối lớn do tăng năng suất sản xuất. Nhưng công ty vẫn luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của luật lao động như ốm đau, sinh sản . . .

- Thu nhập bình quân của CB-CNV là 7 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 5 triệu đồng/người/tháng. Thực hiện chính sách thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết dương lịch và âm lịch. Mỗi tháng, công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

## 4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### 1.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2017 có 07 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, một P.Chủ tịch HĐQT và 05 thành viên HĐQT. Trong đó, có 02 thành viên tham gia điều hành và 05 thành viên không tham gia điều hành.

- Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Số thành viên HĐQT dự họp luôn đảm bảo tỷ lệ 100%. Trong đó, có một thành viên vì điều kiện công tác ở Hà Nội nên ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT.

#### 1.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp để kiểm tra và giải quyết các vấn đề của công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà đại hội đồng cổ đông giao.

### II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

#### 2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 404/2013-IDI/VSD-ĐK ngày 10/4/2013 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với cổ đông được chốt vào ngày 08/04/2013 đã lưu ký như sau:

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN**

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuần	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	4.927.117	12,97
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	8.566.479	22,54
	<i>Đại diện theo pháp luật/số lượng cổ phần: Ông Lê Thanh Thuần</i>				
3	Công ty CP Chứng khoán Thăng Long	05/GCNTVLK-1	Tầng 06, Tòa Nhà Toserco 273 Kim Mã, Ba Đình, HN	5.984.940	15,75
<b>Tổng cộng:</b>				<b>19.478.536</b>	<b>51,26</b>

**2.2 Danh sách cổ đông sáng lập**

Danh sách cổ đông sáng lập của công ty IDI theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 01/4/2011 và theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/4/2013 đã lưu ký như sau:

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuần	350006170	326. Hùng Vương - TP.LX – AG.	4.927.117	12,97
2	Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. <i>Đại diện theo pháp luật/số lượng cổ phần: Ông Lê Thanh Thuần</i>	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	8.566.479	22,54
3	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30. Khúc Thừa Dụ -TP.LX	483.480	1,27
4	Lê Văn Chung	351393479	72. Trần Nhật Duật - TP.LX	442.174	1,16
5	Lê Xuân Quế	233088390	647B/33. Trần Hưng Đạo – LX	376.760	0,99
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1. Khu Sao Mai - Bình Khánh 3 – TP.LX	14.700	0,04
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh - TP.Long Xuyên.	6.400	0,02
8	Phạm Đình Nam	351333247	72. Trần Nhật Duật - TP.LX.	153.500	0,40

9	Trần Văn Cừ	351700797	84E1. Khu ĐTCC Sao Mai – Bình Khánh 3 – LX	958.170	2,52
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh - Triệu Sơn – Thanh Hóa		
11	Phan Văn Đạt	350038725	544B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	40.000	0,11
12	Lê Văn Thông	172321457	01. Trương Định – TP.LX	12.000	0,03
13	Lê Văn Thành	351400599	706B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	178.185	0,47
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33. Trần Hưng Đạo – TP.LX.	84.375	0,22
15	Lê Khắc Tám	350791747	219. Nguyễn Trường Tộ - LX	212.450	0,56
<b>Tổng cộng:</b>				<b>16.455.790</b>	<b>43,30</b>

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy CNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”.

Hiện nay, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của công ty IDI.

### 2.3 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông được chốt vào ngày 10/4/2013, cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

#### CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng:	
	SL cổ phiếu	Tỷ lệ	SL cổ phiếu	Tỷ lệ	SL cổ phiếu	Tỷ lệ
<b>1. Cổ đông nhà nước</b>						
<b>2. Cổ đông nội bộ</b>	<b>6.404.131</b>	<b>16,85%</b>			<b>6.404.131</b>	<b>16,85%</b>
- Hội đồng quản trị	6.244.231	16,43%			6.244.231	16,43%
- Ban giám đốc	159.900	0,42%			159.900	0,42%
- Kế toán trưởng						
- Ban kiểm soát						
<b>3. Cổ đông công ty:</b>	<b>37.991.800</b>	<b>99,98%</b>	<b>8.200</b>	<b>0,02%</b>	<b>38.000.000</b>	<b>100%</b>
- Cá nhân	22.958.401	60,42%	8.100	0,02%	22.966.501	60,44%
- Tổ chức	15.033.399	39,56%	100	0,00%	15.033.499	39,56%



**CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU**

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng:	
	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông sáng lập	16.455.790	43,30			16.455.790	43,30
- Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	19.478.536	51,26			19.478.536	51,26
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	12.407.200	32,65	8.200	0,02	12.415.400	32,67



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

## 2.4 Doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát đối với IDI

Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang

- Vốn điều lệ : 397.362.020.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 39.736.202 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 19 ngày 25/4/2012.
- Điện thoại : 076 3840 138 Fax: 076 3840 139.
- Website : www.saomaiag.vn Email: thuanhao@hotmai.com
- Mã số thuế : 16001690241.
- Đại diện theo Pháp luật: Ông **Lê Thanh Thuận** – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o *Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.*
  - o *Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.*
  - o *Nuôi trồng, chế biến thủy sản.*
- Tình hình cổ phần:

DVT: VND

Vốn điều lệ IDI	Số vốn cổ phần của ASM đến 24/04/2012	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần của ASM đến 10/04/2013	Tỷ lệ (%)
380.000.000.000	85.664.790.000	22,54%	85.664.790.000	22,54%

## 2.5 Doanh nghiệp mà IDI đang nắm quyền kiểm soát:

a). Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco.

- + Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 15.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày: Ngày 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 8 ngày 29/6/2012 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Xuân Quế** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o *Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.*
  - o *Nuôi trồng thủy sản nội địa.*
  - o *Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.*
  - o *Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.*
  - o *Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.*
- + Tình hình góp vốn:

DVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2012	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2012	Tỷ lệ (%)
150.000.000.000	68.000.000.000	45,33%	68.000.000.000	45,33%

b). Công ty CP Đầu tư Địa ốc & Khoáng sản Châu Á – AIM.

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày : 02/07/2010 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 02 ngày 02/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Văn Cảnh** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng công trình dân dụng.
  - o Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ AIM	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2012	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2012	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	11.219.500.000	20%	11.219.500.000	20%

c). Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Tài chính – ASTAR.

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 9 ngày 14/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Bùi Cao Cường** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - o Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
  - o Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ ASTAR	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2012	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2012	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	30.000.000.000	25%	30.000.000.000	25%



Đoàn xe cứu trợ lũ lụt miền trung 2010